

ĐỀ CƯƠNG
CUỐI HỌC KỲ I CÁC MÔN KHỐI 9 NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN

A.- LÝ THUYẾT:

I. Đại số:

- Căn bậc hai số học; hằng đẳng thức $\sqrt{a^2} = |a|$
- Công thức liên hệ phép nhân và phép khai phương; phép chia và phép khai phương.
- Công thức biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.
- Căn bậc ba.
- Hàm số bậc nhất; đồ thị hàm số bậc nhất.
- Đường thẳng song song; đường thẳng cắt nhau và trùng nhau.
- Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

II. Hình học:

- Hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông, tỉ số lượng giác của góc nhọn, hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông, ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn.
- Sự xác định đường tròn; đường kính và dây của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.
- Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, vị trí tương đối của hai đường tròn.
- Tiếp tuyến đường tròn, tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.

B.- BÀI TẬP: Các dạng bài tập:

- **Dạng 1:** Thực hiện phép tính về khai phương căn bậc hai, căn bậc ba.
- **Dạng 2:** Các bài toán về căn thức bậc hai, biến đổi đơn giản căn thức bậc hai.
- **Dạng 3:** Các bài toán về rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai
- **Dạng 4:** các bài toán về giải phương trình, bất phương trình chứa căn bậc hai
- **Dạng 5:** Các bài toán về hàm số bậc nhất, đồ thị hàm số bậc nhất. áp dụng tính chu vi, diện tích phần giới hạn bởi các đồ thị hàm số bậc nhất.
- **Dạng 6:** Các bài toán xác định vị trí tương đối của hai đường thẳng, xác định phương trình đường thẳng, xác định tọa độ giao điểm....
- **Dạng 7:** Các bài toán về tính toán, chứng minh các hệ thức lượng trong tam giác vuông, giải tam giác vuông.
- **Dạng 8:** Các bài toán về đường tròn, tiếp tuyến của đường tròn, vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.
- **Dạng 9:** Các bài toán vận dụng các kiến thức Toán học và liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn.

I.Đại số:

Dạng 1: Thực hiện phép tính:

1.a) $A = \sqrt{12} - 2\sqrt{48} + \frac{7}{5}\sqrt{75}$ b) $B = \sqrt{14 - 6\sqrt{5}} + \sqrt{(3 - \sqrt{5})^2}$ c) $C = \frac{5 + \sqrt{5}}{\sqrt{5} + 2} + \frac{\sqrt{5} - 5}{\sqrt{5}} - \frac{11}{2\sqrt{5} + 3}$

2. a) $\sqrt{20} + \sqrt{80} - \sqrt{45}$ b) $\sqrt{98} - \sqrt{72} + 0,5\sqrt{8}$ c) $(\sqrt{28} - 2\sqrt{14} + \sqrt{7}) \cdot \sqrt{7} + 7\sqrt{8}$

d) $4\sqrt{\frac{2}{9} + \sqrt{2} + \sqrt{\frac{1}{18}}}$ e) $(15\sqrt{200} - 3\sqrt{450} + 2\sqrt{50}) : \sqrt{10}$ f) $(3 - \sqrt{3}) \cdot (-2\sqrt{3}) + 5\sqrt{3} - 2$

Dạng 2. Giải phương trình:

1. a) $(\sqrt{x} - 2)(5 - \sqrt{x}) = 4 - x$; b) $\sqrt{x^2 - 6x + 9} = 3$; c) $\sqrt{x^2 + 1} - 2x = x - 1$

2. a) $\sqrt{x^2+4} = \sqrt{2x+3}$ b) $x + \sqrt{2x+15} = 0$; c) $\sqrt{4x+20} + \sqrt{x+5} - \frac{1}{3}\sqrt{9x+45} = 4$

3. a) $\frac{3\sqrt{x+1}}{7\sqrt{x-5}} = \frac{8}{15}$ b) $\sqrt{49x-49} - \frac{1}{2}\sqrt{\frac{x-1}{9}} + 3\sqrt{4x-4} - \frac{2}{3}\sqrt{\frac{x-1}{16}} = 2$; c) $\sqrt{18x} + 4\sqrt{\frac{x}{2}} = 6 - \sqrt{2x}$

Dạng 3: Toán tổng hợp

Bài 1: a) Tính giá trị biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-3}$ tại $x = 16$

b) Rút gọn biểu thức $B = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} - \frac{3x+3}{x-9}$ với $x \geq 0$ và $x \neq 9$

c) Chứng minh rằng $B:A < 0$

d) Tìm giá trị nhỏ nhất của B:A

Bài 2: a) Tính giá trị biểu thức $M = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1}$ tại $x = \frac{1}{4}$

b) Rút gọn biểu thức $P = \frac{\sqrt{x}+2}{x+2\sqrt{x}+1} - \frac{\sqrt{x}-2}{x-1}$ với x

c) Tìm các giá trị nguyên của x để P:M là số nguyên.

Bài 3: Cho biểu thức $P = \left(\frac{4\sqrt{x}}{2+\sqrt{x}} + \frac{8x}{4-x} \right) : \left(\frac{\sqrt{x}-1}{x-2\sqrt{x}} - \frac{2}{\sqrt{x}} \right)$

a. Rút gọn P với $x > 0$ và $x \neq 4$

b. Tính P khi $x = 2$

c. Tìm các giá trị nguyên của x để P nhận giá trị nguyên.

d. Tìm giá trị nhỏ nhất của P khi $x > 9$

Bài 4. Cho hai biểu thức

$$A = \frac{x+2\sqrt{x}+5}{\sqrt{x}-3} \text{ và } B = \frac{2\sqrt{x}-9}{x-5\sqrt{x}+6} - \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-2} - \frac{2\sqrt{x}+1}{3-\sqrt{x}} \text{ với } x \geq 0, x \neq 4, x \neq 9$$

a) Tính giá trị của A khi $x = 16$.

b) Rút gọn biểu thức B

c) Biết rằng $P = A : B$. Tìm giá trị nhỏ nhất của P

Dạng 4: Hàm số bậc nhất

Bài 1: Cho đường thẳng (d): $y = 2x - 4$

a) Tìm tọa độ giao điểm A, B của (d) với trục Ox, Oy?

c) Tính diện tích tam giác OAB

Bài 2 Cho hàm số $y = (m+1)x + 2$

a) Tìm m để đồ thị hàm số đi qua điểm A(2; 3)

b) Tìm m để đồ thị đi qua điểm 4 trên trục hoành.

c) Tìm m để đồ thị hàm số song song với đồ thị hàm số $y = 2x - 1$

d) Chứng minh đồ thị hàm số luôn đi qua 1 điểm cố định với mọi m.

Bài 3: Tìm k, m để (d) $y = (k-2)x + m - 1$ và (d') $y = (6-2k)x + 5 - 2m$

a. Song song b. Cắt nhau c. Trùng nhau

Bài 4: Cho hai đường thẳng $y = 2x + 1$ và $y = -3x + 2$

a. Tìm giao điểm M của hai đường thẳng trên.

b. Viết phương trình đường thẳng đi qua M và song song với đường thẳng $y = 2x + 4$.

Bài 5 a) Vẽ đồ thị của hàm số $y = 2x + 2$ và $y = -\frac{1}{2}x - 2$ trên cùng một mặt phẳng tọa độ

b) Gọi giao điểm của các đường thẳng $y = 2x + 2$ và $y = -\frac{1}{2}x - 2$ với trục Oy theo thứ tự là A, B còn giao điểm hai đường thẳng đó là C, Tìm tọa độ các điểm A, B, C.

Bài 6. Cho đường thẳng $y = (m - 1)x + 3$ ($m \neq 1$) (d)
 Đường thẳng (d) cắt Ox tại A, cắt Oy tại B. Tìm m sao cho:

- Tam giác OAB cân.
- Diện tích tam giác OAB bằng 3
- Khoảng cách từ gốc tọa độ đến đường thẳng (d) bằng 1.

Bài 7. Tìm a để 3 đường thẳng sau đồng quy

$$y = 2x - 1 \text{ (d1)} ; y = x + 3 \text{ (d2)} ; y = ax + 5 \text{ (d3)}$$

II. Hình học:

Bài 1: Cho ΔABC có $AB = 6\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$, $BC = 10\text{cm}$. Đường cao AH phân giác AD

- Giải tam giác vuông ABH.
- Kẻ $DM \perp AB$, $DN \perp AC$, tứ giác AMDN là hình gì Tính diện tích của tứ giác AMDN.
- $AB \cdot \cos B + AC \cdot \cos C = ?$

Bài 2. Cho đường tròn (O; 5cm), dây BC có độ dài 8cm. Các tiếp tuyến của đường tròn tại B và tại C cắt nhau ở A. Gọi H là giao điểm của OA và BC.

- Chứng minh $HB = HC$
- Tính độ dài OH
- Tính độ dài OA

Bài 3. Cho tam giác ABC có góc $A = 90^\circ$. Đường cao AH. Vẽ đường tròn (A; AH). Gọi HD là đường kính của đường tròn đó. Tiếp tuyến của đường tròn tại D cắt CA tại E.

- Chứng minh ΔBEC cân.
- Gọi I là hình chiếu của A trên BE. Chứng minh rằng $AI = AH$.
- Chứng minh BE là tiếp tuyến của đường tròn tâm A.
- Chứng minh $BE = BH + DE$.

Bài 4. Cho nửa đường tròn tâm O đường kính AB, Kẻ tiếp tuyến Ax, By (Ax, By cùng phía với nửa đường tròn). Lấy điểm D trên tia Ax, kẻ tiếp tuyến DC với đường tròn. (C thuộc đường tròn) (O) tiếp tuyến này cắt By tại E.

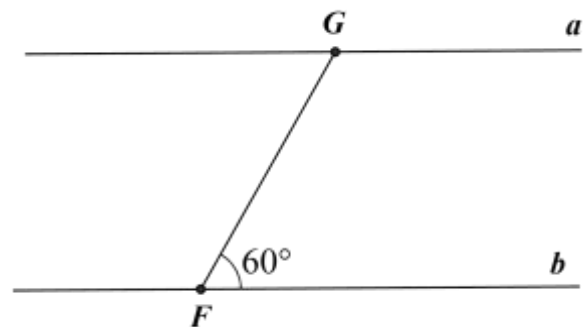
- Chứng minh góc $DOE = 90^\circ$.
- $AD \cdot BE$ không đổi khi D thay đổi trên Ax.
- AB là tiếp tuyến đường tròn đường kính DE.
- Gọi M là giao điểm của AC và OD, N là giao điểm của BC và OE. Chứng minh tứ giác CMON là hình chữ nhật.

Bài 5. Cho (O; R), đường kính AB. Gọi I là trung điểm của AO. vẽ dây cung $CD \perp AB$ tại I. Vẽ tiếp tuyến tại C và D của (O), chúng cắt nhau tại M

- Chứng minh tứ giác ACOD là hình thoi, suy ra M, A, B thẳng hàng.
- Tính chu vi và diện tích tam giác MCD. Biết $R = 6$
- Chứng minh $MC^2 = MA \cdot MB$.
- Chứng minh MC là tiếp tuyến (B; BI)

Bài 6: Kim tự tháp Ke-op (Ai Cập) là một hình chóp đều có đáy là một hình vuông cạnh dài 230m. Vào một thời điểm trong ngày khi ánh nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc 35° , người ta đo được bóng của nó (tính từ bóng của đỉnh tháp tới một giao điểm hai cạnh đáy) bằng 46,15m. Tính chiều cao của kim tự tháp (làm tròn đến hàng đơn vị).

Bài 7. Một con thuyền ở địa điểm F di chuyển từ bờ sông b sang bờ sông a với vận tốc trung bình là 6 km/h, vượt qua khúc sông nước chảy mạnh trong 5 phút. Biết đường đi của con thuyền là FG, tạo với bờ sông một góc 60° .



- Tính FG
- Tính chiều rộng của khúc sông (làm tròn đến mét)

Bài 8. Một tòa nhà có chiều cao h (m). Khi tia

nắng tạo với mặt đất một góc 55° thì bóng của tòa nhà trên mặt đất dài 15m. Tính chiều cao h của tòa nhà. (Làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

MÔN HÓA HỌC

A. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Chương I: Các loại hợp chất vô cơ.
- Chương II: Kim loại.

B. NỘI DUNG

I. LÝ THUYẾT :

1. Phân loại, tính chất hóa học chung của 4 loại hợp chất vô cơ(oxit, axit, bazơ ,muối) và mối quan hệ giữa chúng.
2. Tính chất hóa học chung của kim loại. Dãy hoạt động hoá học của kim loại(ý nghĩa)
3. Tính chất hóa học giống và khác nhau của Al, Fe. Viết PTHH minh họa.
4. Sản xuất nhôm, sản xuất gang, thép (PTHH).
5. Sự ăn mòn kim loại là gì? Các biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn.

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA.

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Dung dịch nào sau đây làm dung dịch phenolphthalein không màu chuyển sang màu đỏ?

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$ B. CaCl_2 C. H_2SO_4 D. NaNO_3

Câu 2: Để nhận biết 2 kim loại Al và Cu cần phải dùng dung dịch

- A. NaCl B. KCl C. K_2SO_4 D. NaOH

Câu 3: Nguyên liệu để sản xuất nhôm là

- A. quặng hematit B. quặng manhetit
C. quặng pyrit D. quặng boxit

Câu 4: Dung dịch nào sau đây làm quỳ tím hóa đỏ?

- A. Na_2SO_4 B. NaOH C. HCl D. NaCl

Câu 5: Dãy kim loại nào dưới đây được sắp xếp theo chiều hoạt động hoá học tăng dần?

- A. Cu, Zn, Mg, K B. Cu, Mg, Zn, K C. K, Mg, Zn, Cu D. Zn, Mg, K, Cu

Câu 6: Muối nào sau đây bị nhiệt phân hủy?

- A. FeCl_2 B. NaCl C. CaCO_3 D. CuSO_4

Câu 7: Hiện tượng xảy ra khi cho dây nhôm vào ống nghiệm đựng dung dịch NaOH là:

- A. Không thấy hiện tượng gì.
B. Có khí không màu thoát ra, nhôm tan dần.
C. Kim loại tan dần, dung dịch chuyển sang màu xanh. .
D. Dung dịch chuyển sang màu đỏ.

Câu 8: Cặp chất nào sau đây xảy ra phản ứng?

- A. Cu và HCl B. Zn và HCl
C. Fe và HNO_3 đặc, nguội D. Al và H_2SO_4 đặc, nguội

Câu 9: Dung dịch NaOH không phản ứng với chất nào?

- A. HCl B. CO_2 C. MgO D. CuCl_2

Câu 10: Oxit nào sau đây tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit?

- A. P_2O_5 B. CuO C. CaO D. K_2O

Câu 11: Hàm lượng cacbon có trong thép là

- A. dưới 2% B. trên 2% C. từ 2% đến 5% D. trên 5%

Câu 12: Dùng 300 g dung dịch HCl hòa tan được tối đa 16,8 g Fe. Nồng độ % của dung

dịch axit đã phản ứng là

- A. 9,25% B. 10 % C. 9,8% D. 7,3 %

Câu 13: Khái niệm về sự ăn mòn kim loại nào sau đây đúng?

- A. Ăn mòn kim loại là sự phá hủy kim loại do kim loại tiếp xúc với môi trường không khí.
B. Sự phá hủy kim loại, hợp kim do tác dụng hóa học trong môi trường được gọi là sự ăn mòn kim loại.
C. Sự ăn mòn kim loại là sự phá hủy kim loại bởi chất khí hay hơi nước ở nhiệt độ cao.
D. Ăn mòn kim loại là sự phá hủy kim loại do kim loại tiếp xúc với môi trường axit tạo ra dòng điện.

Câu 14: Kim loại sắt phản ứng với dung dịch nào sau đây ?

- A. $AlCl_3$ B. $CuCl_2$ C. $ZnCl_2$ D. $MgCl_2$

Câu 15: Khử hoàn toàn 1 tấn quặng sắt chứa 60% Fe_2O_3 bằng khí hidro. Khối lượng sắt thu được là

- A. 0,98 tấn B. 0,42 tấn C. 0,6 tấn D. 4,2 tấn

2. Tự luận

Bài 1: Cho các chất sau: KOH, Fe, Na_2O , Al, SO_2

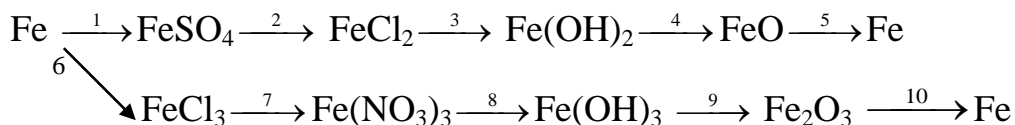
Chất nào tác dụng được với :

- a. dd HCl b. dd $Cu(NO_3)_2$ c. dd NaOH d. dd H_2O

Viết PTHH của các phản ứng xảy ra (nếu có)

Bài 2: Viết các phương trình hóa học thực hiện các biến hóa sau:

(ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có)



Bài 3: Cho 4 chất sau: $MgCl_2$, Mg, $Mg(OH)_2$, MgO. Sắp xếp các chất trên thành dãy biến hóa. Viết PTHH cho dãy biến hóa đó.

Bài 4 : Cho 9,65 gam hỗn hợp Zn, Cu tác dụng với dd H_2SO_4 loãng, dư. Sau phản ứng thu được 1,12 lit H_2 ở đktc và dung dịch B

- a. Viết PTHH các phản ứng xảy ra .
b. Tính % về khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu?

Bài 5: Cho 13g kim loại M hoá trị II tác dụng với Cl₂ dư thu được 27,2g muối clorua. Xác định M là kim loại nào?

MÔN VẬT LÝ

I. LÝ THUYẾT:

1) Phát biểu và viết công thức định luật Ôm, định luật Jun-Len sơ. Giải thích các kí hiệu và đơn vị có trong công thức đó?

2) Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào những yếu tố nào? Viết công thức diễn tả sự phụ thuộc đó, giải thích các kí hiệu và đơn vị đo trong công thức đó?

Nêu các cách xác định điện trở của một dây dẫn đã học

3) Công và công suất của dòng điện: Nêu khái niệm, công thức, đơn vị. Nêu cách xác định công suất của một bóng đèn bằng am pe kế và vôn kế. Nêu ý nghĩa của số oát ghi trên dụng cụ điện?

- 4) Nam châm vĩnh cửu.
- 5) Cách nhận biết từ trường.
- 6) Nêu qui ước xác định chiều đường sức từ, vẽ và xác định chiều đường sức từ của một nam châm thẳng
- 7) Phát biểu qui tắc xác định chiều đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua.
- 8) Nêu điều kiện để một dây dẫn có dòng điện chạy qua chịu tác dụng của lực điện từ. Phát biểu qui tắc bàn tay trái
- 9) So sánh sự nhiễm từ của sắt và thép? Nêu cách chế tạo nam châm điện và nam châm vĩnh cửu. Nêu vài ứng dụng của nam châm điện. Nêu các cách làm tăng lực từ của nam châm điện

II. BÀI TẬP:

A. Bài tập Trắc nghiệm: xem các bài trong SBT và tham khảo các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Công suất điện cho biết:

- A. lượng điện năng sử dụng trong một đơn vị thời gian.
- B. khả năng thực hiện công của dòng điện.
- C. năng lượng của dòng điện.
- D. mức độ mạnh, yếu của dòng điện.

Câu 2: Hai điện trở $R_1 = 2\Omega$ và $R_2 = 3\Omega$ được mắc nối tiếp vào một mạch điện có hiệu điện thế không đổi, cường độ dòng điện trong mạch có giá trị là 1A. Nếu thay hai điện trở trên bằng 1 điện trở duy nhất $R = 5\Omega$ thì cường độ dòng điện lúc này bằng bao nhiêu?

- A. 1 A.
- B. 0,5 A.
- C. 0,25 A.
- D. 0,1 A.

Câu 3: Định luật Jun-Lenxơ cho biết điện năng biến đổi thành:

- A. năng lượng ánh sáng.
- B. hóa năng.
- C. cơ năng.
- D. nhiệt năng.

Câu 4: Khi chiều dài của dây dẫn đồng chất có tiết diện đều giảm đi 6 lần thì điện trở của nó

- A. tăng 3 lần
- B. giảm 6 lần
- C. giảm 3 lần
- D. tăng 6 lần

Câu 5: Trên một bàn là có ghi 220V – 1100W. Khi bàn là này hoạt động bình thường thì nó có điện trở bao nhiêu ?

- A. 44Ω
- B. 5Ω
- C. $0,2\Omega$
- D. 5500Ω

Câu 6: Điện trở của dây dẫn

- A. tỉ lệ thuận với tiết diện dây dẫn
- B. không phụ thuộc vào chất làm dây dẫn
- C. tỉ lệ nghịch với chiều dài dây dẫn
- D. không phụ thuộc vào khối lượng của dây dẫn

Câu 7: Đặt vào hai đầu dây dẫn có điện trở 25Ω một hiệu điện thế 12V thì cường độ dòng điện chạy qua dây là:

- A. 2,1A;
- B. 0,48A.
- C. 4,8A ;
- D. 37A;

Câu 8: Trong đoạn mạch có các điện trở mắc nối tiếp, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Điện trở tương đương của đoạn mạch nhỏ hơn mỗi điện trở thành phần
- B. Cường độ dòng điện qua mỗi điện trở là như nhau
- C. Cường độ dòng điện trong mạch chính bằng tổng cường độ dòng điện qua mỗi điện trở
- D. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở bằng nhau

Câu 9: Nguyên tắc hoạt động của biến trở con chạy dựa vào mối quan hệ giữa điện trở với

- A. chất làm dây dẫn
C. nhiệt độ của dây dẫn
- B. tiết diện dây dẫn
D. chiều dài dây dẫn

Câu 10: Mắc ba điện trở $R_1 = 2 \Omega$, $R_2 = 3 \Omega$, $R_3 = 6 \Omega$ song song với nhau vào mạch điện $U = 6 \text{ V}$. Cường độ dòng điện qua mạch chính là

- A. 12 A. B. 6,0 A. C. 1,8 A. D. 3,0 A.

Câu 11: Cho 3 bóng đèn: Bóng Đ_1 ghi: 6V- 3W, bóng Đ_2 ghi: 12V- 3W, bóng Đ_3 ghi: 6V- 6W. Khi các bóng đèn đều được sử dụng ở hiệu điện thế định mức thì độ sáng của các bóng đèn như sau:

- A. Bóng Đ_2 sáng nhất, hai bóng Đ_1 và Đ_3 sáng như nhau
B. Bóng Đ_1 sáng nhất, hai bóng Đ_2 và Đ_3 sáng như nhau
C. Bóng Đ_1 sáng yếu nhất, hai bóng Đ_2 và Đ_3 sáng như nhau
D. Bóng Đ_3 sáng nhất, hai bóng Đ_1 và Đ_2 sáng như nhau

Câu 12: Cường độ dòng điện đi qua một dây dẫn là I_1 , khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn này là $U_1 = 7,2\text{V}$. Dòng điện đi qua dây dẫn này sẽ có cường độ I_2 lớn gấp bao nhiêu lần nếu hiệu điện thế giữa hai đầu của nó tăng thêm $10,8\text{V}$?

- A. 1,5 lần B. 3 lần C. 2,5 lần D. 2 lần

Câu 13: Cho hai điện trở $R_1 = 20 \Omega$; $R_2 = 60 \Omega$ mắc vào hai điểm A, B. Mắc R_1 nối tiếp R_2 vào $U = 120\text{V}$. Cường độ dòng điện qua mạch trên là:

- A. 10A B. 7,5A C. 2A D. 1,5A

Câu 14: Một dây dẫn Nicrom dài 15m, tiết diện $0,3\text{mm}^2$ được mắc vào hai điểm có hiệu điện thế U , Điện trở của dây dẫn có giá trị là:

- A. $R = 55 \Omega$ B. $R = 110 \Omega$ C. $R = 220 \Omega$ D. $R = 50 \Omega$

Câu 15: Trong quy tắc nắm tay phải để xác định chiều của từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua thì ngón tay cái choãi ra chỉ điều gì?

- A. Chiều của dòng điện trong ống dây.
B. Chiều của lực điện từ lên nam châm thử.
C. Chiều của lực điện từ tác dụng lên cực Bắc của nam châm thử đặt ở ngoài ống dây.
D. Chiều của lực điện từ tác dụng lên cực Bắc của nam châm thử trong lòng ống dây.

Câu 16: Các dụng cụ biến đổi toàn bộ điện năng thành nhiệt năng là:

- A. máy khoan điện, mỏ hàn, nồi cơm điện
B. bình nóng lạnh, bàn là điện, ấm điện
C. quạt điện, máy sấy tóc, bàn là điện
D. máy bơm, ấm điện, mỏ hàn

Câu 17: Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của I vào U là đường:

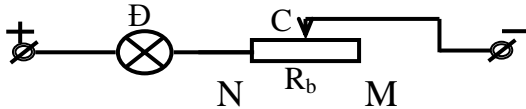
- A. Đường thẳng song song với trục I B. Đường thẳng vuông góc với trục I

C. Đường thẳng kéo dài đi qua gốc tọa độ D. Đường thẳng không đi qua gốc tọa độ

Câu 18: Ba dây dẫn kích thước giống nhau làm bằng đồng, bạc và nhôm. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Điện trở dây đồng là nhỏ nhất, dây nhôm lớn nhất.
- B. Điện trở dây bạc bé nhất, dây đồng lớn nhất.
- C. Điện trở dây nhôm bé nhất, dây bạc lớn nhất.
- D. Điện trở dây bạc là nhỏ nhất, dây nhôm lớn nhất.

Câu 19: Cho mạch điện như hình vẽ sau:



Khi dịch chuyển con chạy C về phía N thì độ sáng của đèn thay đổi như thế nào?

- A. Sáng mạnh lên
- B. Sáng yếu đi
- C. Không thay đổi
- C. Có lúc sáng mạnh, có lúc sáng yếu

Câu 20: Từ kết quả của thí nghiệm Ô-xtet cho ta biết điều gì?

- A. Các hạt mang điện sinh ra từ trường
- B. Các vật nhiễm điện sinh ra từ trường
- C. Dòng điện sinh ra từ trường
- D. Các dây dẫn sinh ra từ trường

Câu 21: Khi một kim nam châm được để tự do đã cân bằng sẽ chỉ hướng

- A. Nam – Bắc
- B. Đông Nam – Tây Bắc
- C. Đông Bắc – Tây Nam
- D. Đông – Tây

Câu 22: Dùng nam châm có thể tách các vụn kim loại trong hỗn hợp nào dưới đây?

- A. Đồng và sắt
- B. Nhôm và đồng
- C. Sắt và niken
- D. Niken và coban

Câu 23: Đặt một kim nam châm gần một dây dẫn có dòng điện chạy qua, kim nam châm bị quay đi một góc nào đó là do dòng điện đã tác dụng lên kim nam châm:

- A. Lực hấp dẫn
- B. Lực Coulomb
- C. Lực điện từ
- D. Trọng lực

Câu 24: Từ trường không tồn tại ở đâu:

- A. Xung quanh nam châm.
- B. Xung quanh dòng điện.
- C. Xung quanh trái đất.
- D. Xung quanh điện tích

đứng yên.

Câu 25: Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết từ trường:

- A. Dùng Ampe kế.
- B. Dùng Vôn kế.
- C. Dùng kim nam châm có trục quay.
- D. Dùng áp kế.

Câu 26: Muốn cho một cái đinh thép trở thành một nam châm, ta làm như sau:

- A. Quét mạnh một đầu đinh vào một cực của nam châm.
- B. Hơ đinh trên lửa.
- C. Dùng len cọ xát mạnh nhiều lần vào đinh.
- D. Lấy búa đập mạnh vào đầu đinh.

Câu 27: Theo quy tắc bàn tay trái để tìm chiều của lực điện từ tác dụng lên một dòng điện thẳng đặt trong từ trường thì ngón tay giữa hướng theo:

- A. Chiều của đường sức từ.
- B. Chiều của lực điện từ.
- C. Chiều của dòng điện.
- D. Không hướng theo hướng nào trong ba hướng trên.

Câu 28: Nhận định nào sau đây là đúng về từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua?

- A. Đầu ống dây có các đường sức từ đi ra gọi là cực Nam
- B. Đường sức từ của ống dây là những đường không khép kín
- C. Đường sức từ trong lòng ống dây gần như song song với nhau
- D. Đầu ống dây có các đường sức từ đi vào gọi là cực Bắc

Câu 29: Tác dụng từ của dòng điện **không** được ứng dụng trong:

- A. Quạt điện
- B. Bàn là điện
- C. Chuông điện
- D. Máy hút các vật bằng sắt.

Câu 30: Trên thanh nam châm, chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Phần giữa của thanh.
- C. Cả hai từ cực.
- B. Từ cực Bắc.
- D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau.

Câu 31: Chọn phương án sai.

Trong thí nghiệm O – xtét, khi đặt dây dẫn song song với kim nam châm, cho dòng điện chạy qua dây dẫn thì:

- A. Kim nam châm đứng yên không thay đổi.
- B. Có lực tác dụng lên kim nam châm.
- C. Lực tác dụng lên kim nam châm là lực từ.
- D. Kim nam châm bị lệch khỏi vị trí ban đầu.

Câu 32: Trong thí nghiệm phát hiện từ trường của dòng điện, dây dẫn AB được bố trí như thế nào để hiện tượng xảy ra dễ quan sát nhất?

- A. Tạo với kim nam châm một góc bất kì.
- B. song song với kim nam châm.
- C. Vuông góc với kim nam châm.
- D. Tạo với kim nam châm một góc nhọn.

B. Bài tập tự luận:

Bài tập 1: Thời gian đun sôi 1,5 lít nước của một ấm điện là 10 phút. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây nung của ấm là 220V. tính điện trở của dây nung này, biết rằng nếu kể cả nhiệt lượng hao phí để đun sôi 1 lít nước cần nhiệt lượng là 420000J?

Bài tập 2: Trong mùa đông, một lò sưởi có ghi 220V – 880W được sử dụng với hiệu điện thế 220V trong 4 giờ mỗi ngày.

- a) Công suất tiêu thụ điện của bếp lúc đó bằng bao nhiêu?
- b) Tính điện trở của dây nung lò sưởi và cường độ dòng điện chạy qua nó khi đó
- c) Tính nhiệt lượng mà lò sưởi này toả ra trong mỗi ngày theo đơn vị kJ.
- d) Tính tiền điện phải trả cho việc dùng lò sưởi như trên trong suốt mùa đông, tổng cộng là 30 ngày. Cho rằng giá tiền điện là 1000đ/kW.h

Bài tập 3: Một bình nóng lạnh có ghi 220V – 1100W được sử dụng với hiệu điện thế 220V.

- a) Tính cường độ dòng điện chạy qua bình khi đó

b) Tính thời gian để bình đun sôi 10 lít nước từ nhiệt độ 20°C, biết nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kg.K và bỏ qua nhiệt lượng bị hao phí.

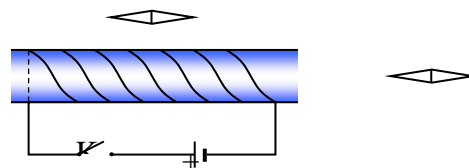
c) Tính tiền điện phải trả cho việc sử dụng bình như trên trong 30 ngày, biết rằng thời gian sử dụng trung bình mỗi ngày là 1 giờ, và giá tiền điện là 1500đ/kW.h

Bài tập 4: Cho hình vẽ bên, khi K đóng hãy :

a) Vẽ đường sức từ đi qua chỗ mỗi kim nam châm và mũi tên chỉ chiều của mỗi đường sức từ đó.

b) Đánh dấu hai từ cực của ống dây

có dòng điện chạy qua khi đóng mạch điện, xác định các từ cực của kim nam châm.



MÔN NGỮ VĂN

A. Kiến thức trọng tâm

Phần I: Văn học

* Yêu cầu về kiến thức:

1. Văn bản nhật dụng: tập trung vào những chủ đề sau:

- Vấn đề hội nhập và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc- văn bản “ Phong cách Hồ Chí Minh”
- Vấn đề chiến tranh và hoà bình- văn bản “ Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”
- Vấn đề bảo vệ trẻ em: “ Tuyên bố thế giới về sự sống còn và phát triển của trẻ”

2. Văn học trung đại:

- Chuyện người con gái Nam Xương
- Hoàng Lê nhất thống chí
- Truyện Kiều của Nguyễn Du, đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều”, “ Kiều ở lầu Ngưng Bích”

3. Văn học hiện đại:

- Đồng chí
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính
- Đoàn thuyền đánh cá
- Bếp lửa
- Ánh trăng
- Làng
- Lặng lẽ Sa Pa
- Chiếc lược ngà

* Yêu cầu về kỹ năng:

+ Nắm được tác giả, tác phẩm, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục, phương thức biểu đạt, ý nghĩa nhân đề, tóm tắt truyện, thuộc thơ.

+ Nắm được nội dung, nghệ thuật, biết khai thác tín hiệu nghệ thuật trong tác phẩm văn học để làm nổi bật nội dung, ý nghĩa.

+ Hệ thống các tác phẩm văn học theo từng giai đoạn, các chủ đề.

+ Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Phần II: Tiếng Việt

**** Yêu cầu về kiến thức:***

- Các phương châm hội thoại
- Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.
- Một số phép tu từ.
- Đoạn văn

**** yêu cầu về kỹ năng:***

- Nhận diện được đơn vị kiến thức Tiếng Việt cơ bản trong văn bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết.

Phần III: Tập làm văn

**** Yêu cầu về kiến thức:***

Nghị luận

****Yêu cầu về kỹ năng:***

- Nắm được đặc điểm chung của văn nghị luận
- Bài văn (đoạn văn) nghị luận

B. Bài tập tham khảo

1. Ý nghĩa nhan đề “Truyện kì mạn lục”

- HS tự làm

2. Chỉ ra những chi tiết kì ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, cho biết ý nghĩa của những chi tiết đó.

- Chỉ ra chi tiết kì ảo: HS tự làm.

- Ý nghĩa:

+Góp phần làm đặc trưng thể loại truyện truyền kì

+Lôi cuốn người đọc, người nghe bởi chi tiết kì ảo làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn.

+Làm hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp vốn có của Vũ Nương, là 1 người trọng danh dự, thủy chung,ân nghĩa, vị tha.

+Làm giảm đi tính bi kịch của truyện,an ủi người đọc 1 người thùy mị,nết na như Vũ Nương không thể chết oan khuất mà phải được giải oan,và 1 người như thế phải được hưởng một cuộc sông sung sướng cho dù chỉ là 1 cuộc sông ngoài dương thế, được các mỹ nữ dưới thủy cung yêu thương.

+Thể hiện ước mơ của người dân một lẽ công bằng: người phu nữ thùy mị nét na thì không thể chết oan khuất mà phải được giải oan.

3. Hãy nêu ý nghĩa của chi tiết chiếc bóng trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Gợi ý:

Ý nghĩa:

Với cốt truyện:

Cái bóng của Vũ Nương là chi tiết thắt nút, mở nút....

Cái bóng đã làm cho câu chuyện kịch tính và hấp dẫn

Với nhân vật:

Với Vũ Nương: Gọi cảnh ngộ cô đơn của người vợ; thể hiện tình yêu chồng, thương con, sự rủi chung...

Với bé Đản: thể hiện sự ngây thơ, hồn nhiên.

Với Trương Sinh: Thể hiện sự ghen tuông, đa nghi mù quáng.

. Theo em, những nguyên nhân nào gây ra bi kịch của Vũ Nương? Từ đó em cảm nhận gì về thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến? Kể tên một tác phẩm khác viết về đề tài người phụ nữ dưới chế độ phong kiến trong chương trình Ngữ văn THCS, ghi rõ tên tác giả?

HS tự làm.

. Nhận xét cách kết thúc truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Gợi ý:

Kết thúc truyện giảm đi tính bi kịch mà không mất đi tính bi kịch.

HS tự giải thích rõ.

6. Bằng đoạn văn khoảng 15 câu theo phép lập luận diễn dịch hãy làm rõ số phận và vẻ đẹp của Vũ Nương trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” .

Gợi ý:

Đoạn văn cần đảm bảo nội dung:

- Vẻ đẹp của Vũ Nương: Yêu chồng, thương con, hiếu thảo, tự trọng...
- Số phận: bất hạnh

7. Nêu ý nghĩa nhan đề “Hoàng Lê nhất thống chí”.

HS tự làm

8. Trong hồi 14 “ Hoàng Lê nhất thống chí”, Quang Trung đã ra lời phủ dụ trong hoàn cảnh

nào? Nêu nội dung lời phủ dụ? Nhận xét lời phủ dụ?

Câu nói “ *Trong khoảng vũ trụ...mà cai trị*” đã khẳng định chủ quyền của dân tộc. Em hãy kể tên hai văn bản mà em đã học trong chương trình THCS cũng khẳng định chủ quyền của dân tộc.

HS tự làm

9. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ – *Các ngươi đem thân thờ ta...quả đúng như vậy.*”

a. Trong đoạn trích trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

b. Qua lời nói đó em hiểu gì về nhân vật “ ta” trong đoạn trích?

c. Dựa vào đoạn trích trên và hồi 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”, hãy trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người anh hùng Quang Trung trong đoạn trích hồi thứ 14?

d. Tại sao các tác giả là cựu thần nhà Lê nhưng lại viết hay về người anh hùng Quang Trung?

Gợi ý:

a,b HS tự làm

c. Đoạn văn cần đảm bảo các ý: Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán; thông minh sáng suốt, tầm nhìn xa trông rộng; lẫm liệt trong trận chiến.

d. Họ là những nhà viết sử nên họ tôn trọng sự thật.

+ Họ có ý thức dân tộc.

+ Vua Lê Chiêu Thống là vị vua đốn hèn nên không thể không phê phán còn Quang Trung vị anh Hùng áo vải mang trong mình biết bao vẻ đẹp nên không thể không ca ngợi.

10. Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” của Nguyễn Du, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ

a, Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ?

b, Chép 2 câu thơ miêu tả Thúy Vân, 2 câu thơ miêu tả Thúy Kiều có sử dụng bút pháp ước lệ? Nêu cảm nhận của em về các câu thơ đó.

c. Bức chân dung của chị em Thúy Vân, Thúy Kiều có gì giống và khác nhau?

d. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo phương thức lập luận diễn dịch, hãy làm rõ bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” trong đoạn trích có sử dụng lời dẫn trực tiếp- gạch chân.

Gợi ý:

a,b: HS tự làm

c: Bức chân dung của Thúy Vân và Thúy Kiều có điểm giống nhau và khác nhau:

- Bức chân dung có điểm giống nhau: Họ đều là người phụ nữ xinh đẹp, bức chân dung có dự báo số phận.

- Bức chân dung có sự khác nhau:

+ Vẻ đẹp của Vân: phúc hậu, đoan trang- bức chân dung dự báo số phận êm đềm, hạnh phúc.

+ Vẻ đẹp của Thúy Kiều: sắc sảo, mặn mà, không những vậy nàng còn có tài năng (tài cầm, kì, thi, họa và tâm hồn đa sầu, đa cảm) – bức chân dung dự báo số phận truân chuyên, trắc trở.

d. Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau: Khai thác các tín hiệu NT: bút pháp ước lệ, đặc tả, thành ngữ, điển tích... để làm nổi bật lên vẻ đẹp của TK:

- Vẻ đẹp ngoại hình: đặc tả đôi mắt để làm nổi bật lên vẻ đẹp sắc sảo.

- Vẻ đẹp tài năng: Cầm, kì thi, họa

- Vẻ đẹp tâm hồn: đa sầu, đa cảm.

⇒ Vẻ đẹp ngầm dự báo số phận sóng gió của nàng.

11. Cho câu thơ sau:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng”

a. Chép chính xác bảy câu thơ tiếp theo. Những câu thơ vừa chép thuộc đoạn trích nào? Nêu vị trí đoạn trích?

b. Giải nghĩa từ “ chén đồng”

c. Vì sao Kiều vốn là người con có hiếu nhưng khi xa nhà, người Kiều nhớ đầu tiên lại là Kim Trọng (nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau).

d. Vì sao khi diễn tả nỗi nhớ Kim Trọng tác giả lại dùng “tưởng”, khi nhớ cha mẹ tác giả lại dùng “tưởng”?

e. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo phương thức lập luận quy nạp hãy làm rõ tâm trạng của Kiều trong đoạn thơ mà em vừa chép.

Gợi ý:

a, b

c:

* Khi nhớ người thân, tác giả nhớ đến Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau

Đặt trong cảnh ngộ của Kiều thì rất hợp lí bởi:

- Hình ảnh “ mảnh trăng” ở lầu Ngưng Bích đã gợi về những kỉ niệm mà nàng cùng chàng Kim thề nguyện dưới trăng.

- Hơn nữa tâm trạng của nàng đang vô cùng đau đớn , xót xa vì mối tình đầu đẹp mà tan vỡ, nàng cảm thấy mình có lỗi vì không giữ được lời hẹn với chàng Kim.

- Với cha mẹ dù sao Kiều cũng đã phần nào làm tròn chữ hiếu khi bán mình cứu cha và em.

d. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau: câu hỏi tu từ, điển tích...

- Nổi nhớ Kim trọng:

- + Tưởng tượng chàng Kim vẫn chưa biết mình bán mình chuộc cha và mong chờ tin mình.
- + Day dứt về tấm lòng son sắt của mình đã bị hoen ố biết bao giờ mới gột rửa cho sạch.
- Nhớ cha mẹ:
- + Xót xa cho cha mẹ tuổi già sức yếu mà vẫn trông chờ nàng
- + Băn khoăn, day dứt vì không thể phụng dưỡng cha mẹ
- + Đau xót khi nghĩ về cha mẹ ngày một già yếu...

12. Hãy chép lại 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

- a. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ mà em vừa chép.
- b. Tại sao từ láy “rầu rầu”, vốn là từ chỉ tâm trạng của con người nhưng tác giả lại dùng miêu tả cảnh vật?
- c. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo cách lập luận quy nạp hãy làm rõ tâm trạng của Kiều qua cái nhìn ngoại cảnh, trong đoạn văn có sử dụng câu cảm thán- gạch chân.

HS tự làm.

13. Hãy giới thiệu “ Truyện Kiều’ của Nguyễn Du.

HS tự làm

14. Cho câu thơ:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua"

- a, Chép chính xác 6 câu thơ tiếp, giới thiệu vài nét về tác giả Chính Hữu và hoàn cảnh sáng tác bài thơ " Đồng chí" ?
- b. Chỉ ra thành ngữ được sử dụng trong khổ thơ trên, phân tích tác dụng của việc sử dụng thành ngữ.
- c, Viết đoạn văn theo phương pháp lập luận Tổng - Phân - Hợp khoảng 10 câu phân tích đoạn thơ vừa chép để thấy được những cơ sở bền chặt hình thành nên tình đồng chí.

15. Nhận xét về bài thơ "Đồng chí" có ý kiến cho rằng : "*Ba câu thơ cuối là ba câu thơ hay nhất, là sự kết tinh về cao quý của tình đồng chí ."*

Hãy viết 10 câu tiếp theo câu văn trên để hoàn thành đoạn văn theo phương pháp lập luận diễn dịch.

16. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
 Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây
 Vững mặc chông chênh đường xe chạy
 Lại đi lại đi trời xanh thêm”

- a) Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ, và ý nghĩa nhan đề của bài thơ.
- b) Câu thơ “Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây” khiến em liên tưởng đến câu thơ nào trong

một tác phẩm đã học? vì sao em có sự liên tưởng?

c) “Chông chênh” thuộc từ loại nào? chép một câu thơ cũng sử dụng từ “chông chênh” trong tác phẩm đã học?

d) Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu thơ cuối của khổ thơ em vừa chép và phân tích tác dụng.

e. Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết diễn dịch em hãy phân tích khổ thơ trên, trong đoạn văn có sử dụng trợ từ, câu ghép- gạch chân và chú thích.

Gợi ý:

a. HS tự làm

b. Câu thơ: “ Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đầy” khiến em liên tưởng đến câu thơ:

“ Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ” (Chính Hữu)

- Sở dĩ em có sự liên tưởng đó: Cả hai câu thơ cùng thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó yêu thương của những người lính trong thời kì kháng chiến.

c. Từ “ chông chênh” thuộc từ loại: tính từ

Một câu thơ cũng sử dụng từ “ chông chênh”: “ Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”

(Túc cảnh Pác Bó- Hồ Chí Minh)

d. Biện pháp tu từ trong khổ thơ em vừa chép:

Điệp ngữ: “lại đi”

Ẩn dụ: “trời xanh thêm”

Tác dụng: Tạo nhịp điệu cho khổ thơ, nhấn mạnh ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, và thể hiện tinh thần lạc quan của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Từ đó bộc lộ niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn.

e. Đoạn văn cần đảm bảo ý:

- Khai thác tín hiệu nghệ thuật: Từ láy, ẩn dụ để làm rõ nội dung:

+ Biểu hiện tình đồng đội trong cuộc sống sinh hoạt chung vui.

+ Tình đồng đội đã giúp họ vượt qua khó khăn và có tinh thần lạc quan.

17. Mở đầu bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá Huy Cận viết:

“ Mặt trời xuống biển như hòn lửa”

a. Em hãy chép ba câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ.

b. Hãy nêu hoàn cảnh ra đời bài thơ.

c. Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ đầu và phân tích tác dụng.

d. Bằng một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết quy nạp, em hãy phân tích khổ thơ

trên, trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp- gạch chân.

Gợi ý:

a,b: HS tự làm

c. Phép tu từ so sánh: “ Mặt trời xuống biển như hòn lửa”, nhân hóa “ Sóng đã cài then đêm sập cửa”

Tác dụng:

- Cảnh hoàng hôn trên biển rực rỡ tráng lệ, ấm áp.
- Biển đêm như một ngôi nhà lớn, những đợt sóng lăn tăn là then cài cửa.
- Cảnh biển trở nên gần gũi thân quen, gợi cảm giác bình yên với người dân chài.

d. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Khai thác tín hiệu nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ để làm rõ nội dung.
- + Cảnh hoàng hôn trên biển rực rỡ, tráng lệ ấm áp.
- + Cảnh biển vào đêm gợi cảm giác bình với người dân chài.
- + Người dân chài ra khơi với niềm vui, tinh thần lạc quan.

18. Năm 1963, khi đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài, một nhà thơ trải lòng với những suy ngẫm sâu sắc:

.... *Lặn đạn đời bà biết mấy nắng mưa*
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !”...

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9 – Tập 1)

a. Những câu thơ trên trích trong văn bản nào? Của ai?

b. Nêu hiệu quả biện pháp tu từ điệp ngữ được tác giả sử dụng trong khổ thơ trên ?

c. Xét về mục đích nói, câu thơ cuối cùng của khổ trên thuộc kiểu câu gì? Qua câu thơ ấy, em hiểu được điều gì về cảm xúc và tình cảm của nhân vật trữ tình?

d. Nhận xét về văn bản trên, có ý kiến cho rằng: *Khổ thơ không chỉ là bộc bạch chân tình của của người cháu ở phương xa về những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ mà còn là những suy ngẫm rất đỗi sâu sắc về cuộc đời bà, về bà kính yêu.* Bằng một đoạn văn khoảng 12 câu viết theo dạng diễn dịch, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Trong đoạn có sử dụng hợp lí một câu phủ định và một phép liên kết câu. (chú giải rõ)

e. Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, một âm thanh thân thuộc của làng quê Việt Nam cũng đã ùa về trong lòng anh lính trẻ biết bao kỉ niệm của tuổi thơ gắn bó với bà, với quê hương đất nước. Lời dẫn trên khiến em nhớ tới văn bản nào đã học trong chương trình

Ngữ Văn THCS ? (ghi rõ tên tác phẩm, tên tác giả).

Gợi ý:

a. HS chỉ ra chính xác được những câu thơ trên trích trong văn bản: Bếp lửa của tác giả Bằng Việt.

b. Chỉ ra biện pháp tu từ điệp ngữ: Nhóm

- Tác dụng:

+ Tạo nhạc điệu ...

+ Từ “ nhóm” được lặp lại liên tiếp ở đầu 4 câu thơ mở ra những lớp nghĩa của từ “ nhóm” để nhấn mạnh vào vai trò của bà trong sự trưởng thành của người cháu

+Giữa vô vàn những khó khăn, cơ cực, bà không chỉ nuôi cháu lớn khôn bằng sự tảo tần chăm chút yêu thương mà bà còn gieo vào, khơi lên trong người cháu nhỏ biết bao những tình cảm, ước mơ đẹp đẽ...bằng niềm tin mạnh mẽ, dai dẳng

+ Tỏ bày một niềm trân trọng ngợi ca, tỏ bày một tình yêu thương, một lòng biết ơn sâu sắc...nhân vật trữ tình dành tặng bà kính yêu....

+ Nhấn nhủ, nhắc nhở mỗi chúng ta cần thấu hiểu, trân trọng tình cảm gia đình

c. - Xét về mục đích nói, câu thơ cuối cùng của khổ thơ là câu cảm thán

- Qua câu thơ:

+ Cảm nhận được cảm xúc ngạc nhiên, xúc động của nhân vật trữ tình khi phát hiện, hiểu thấu sự kì lạ và thiêng liêng trong một hình ảnh giản dị: bếp lửa hay trong chính bà kính yêu.

+ Thấy được niềm trân trọng, tự hào, cảm phục, yêu thương...dành cho bà- người phụ nữ Việt Nam bình dị

e. Đoạn văn cần đạt được những yêu cầu sau:

- Về hình thức:

+ Đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả

+ Có sử dụng hợp lí câu phủ định và một phép liên kết câu (có chú giải rõ ràng)

- Nội dung: HS cần bám vào ngữ liệu, khai thác hợp lí các tín hiệu nghệ thuật (giọng điệu, ngôn ngữ thơ, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ...) để làm rõ được những suy ngẫm sâu sắc của người cháu ở phương xa về cuộc đời bà, về bà kính yêu.

+Suy ngẫm về cuộc đời bà với vô vàn khó khăn, cơ cực suốt mấy chục năm ròng...

+ Suy ngẫm về vẻ đẹp của bà, vai trò của bà: vai trò của người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa cho người cháu, cho các thế hệ nối tiếp.

+ Suy ngẫm về sự kì lạ và thiêng liêng trong hình ảnh bà- người phụ nữ Việt Nam bình dị...

-> Tỏ bày sự thấu hiểu, tình yêu thương, lòng biết ơn sâu sắc....dành cho bà kính yêu; tỏ bày niềm trân trọng những kỉ niệm của tuổi thơ...

d. Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, một âm thanh thân thuộc của làng quê Việt Nam cũng đã ùa về trong lòng anh lính trẻ biết bao kỉ niệm của tuổi thơ gắn bó với bà, với quê hương đất nước. Lời dẫn trên khiến em nhớ tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ Văn THCS là bài : “ Tiếng gà trưa”- Tác giả: Xuân Quỳnh.

19. Trong truyện ngắn "Làng" có đoạn văn sau:

"Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi..."

a. Cho biết tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm? Tình huống truyện và ý nghĩa của từng tình huống.

b. Đoạn văn trên miêu tả tâm trạng gì của ông Hai? Tình huống nào khiến ông có tâm trạng đó?

c. Một trong những thành công của tác phẩm là đã xây dựng được cốt truyện tâm lý rất đặc sắc. Em hiểu thế nào là cốt truyện tâm lý?

d. Cho câu chủ đề sau: *"Ở nhân vật ông Hai, tình cảm gắn bó máu thịt với làng quê đã hòa quyện làm một với lòng yêu nước chân thành, thiết tha"*. Hãy phân tích tình huống sau khi ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc đến trước khi tin đó được cải chính để triển khai câu chủ đề trên thành một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, trong đoạn văn có sử dụng câu ghép, trợ từ.

Gợi ý:

a.b: HS tự làm

c. Cốt truyện tâm lý: cốt truyện không đi vào miêu tả hành động bên ngoài của nhân vật mà chủ yếu đi sâu vào miêu tả nội tâm nhân vật.

d. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Hình thức: - Về hình thức:

+ Đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả

+ Có sử dụng hợp lí câu ghép và một trợ từ (có chú giải rõ ràng)

- Nội dung: HS cần bám vào ngữ liệu, khai thác hợp lí các tín hiệu nghệ thuật ngôi kể, ngôn ngữ... để làm rõ nội dung:

+ Tâm trạng bàng hoàng đau đớn, tủi hổ khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

+ Nỗi lo sợ ám ảnh ông Hai khiến ông không giám đi đâu chỉ ở nhà nghe ngóng bình tình.

+ Tâm trạng xung đột nội tâm khi mục chủ nhà biết chuyện có ý đuổi ông đi, ông thoáng nghĩ về nhà nhưng ông lại gạt bỏ ý định đó=> Tình yêu nước bao trùm lên tình yêu làng, nhưng ông lại không quên được làng.

20. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

" Anh thanh niên bật cười khanh khách:

- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng được ở độ ca thế mới là lí tưởng chứ."

(" Lặng lẽ Sa Pa"- Nguyễn Thành Long)

a. Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời văn bản đó.

b. Chỉ hình thức ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích trên. Dấu hiệu nhận biết hình thức ngôn ngữ đó là gì?

c. Đoạn trích trên đã thể hiện phẩm chất nào của anh thanh niên?

d. Qua đoạn trích trên, và hiểu biết của em về tác phẩm, bằng một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch em hãy làm rõ phẩm chất đó, trong đoạn văn có sử dụng câu ghép, câu phủ định- gạch chân và chú thích.

Gợi ý:

a. HS tự làm

b. Hình thức ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích trên là: đối thoại vì đó là cuộc đối thoại của anh thanh niên với ông họa sĩ, có gạch đầu dòng.

c. Đoạn trích thể hiện anh thanh niên là người có phẩm chất khiêm tốn.

d. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Hình thức: - Về hình thức:

+ Đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả

+ Có sử dụng hợp lí một câu ghép và một câu phủ định (có chú giải rõ ràng)

- Nội dung: HS cần bám vào ngữ liệu, khai thác hợp lí các tín hiệu nghệ thuật ngôi kể, ngôn ngữ... để làm rõ phẩm chất khiêm tốn của anh thanh niên:

+ Không thích nói nhiều về mình, cảm thấy mình chưa bằng ông bố, chưa bằng anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng.

+ Từ chối việc phác họa bức chân dung của ông họa sĩ, giới thiệu cho ông họa sĩ mà những con người anh cho là đáng vẽ hơn.

21. Cho đoạn trích sau:

“...Công việc nói chung là dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ! Ở đây có cả mưa đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe tiếng chuông đồng hồ báo chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và im lặng ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình là ào ào xô tới....”

(“Lặng lẽ Sa Pa”- Nguyễn Thành Long)

a. Nêu ý nghĩa nhan đề của văn bản chứa đoạn trích trên.

b. Công việc mà anh thanh niên làm là công việc gì mà “nói chung là dễ, chỉ cần chính xác”?

c. Câu văn “Rét, bác ạ!” xét về cấu tạo ngữ pháp thuộc kiểu câu gì? Tác dụng?

d. Chỉ ra phép tu từ trong câu văn sau và nêu tác dụng: “Xách đèn ra vườn, gió tuyết và im lặng ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình là ào ào xô tới.”

e. Bằng đoạn văn khoảng 12 câu theo cách viết quy nạp, em hãy làm rõ hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên, trong đoạn văn có sử dụng hỏi tu từ - gạch chân câu văn đó.

Gợi ý:

a-b: HS tự làm

c. Câu: “Rét, bác ạ!” là câu đặc biệt. Tác dụng: thông báo, bộc lộ cảm xúc.

d. Phép tu từ trong câu văn “ “Xách đèn ra vườn, gió tuyết và im lặng ở bên ngoài như

chỉ chực đợi mình là ào ào xô tới.” là nhân hóa

-Tác dụng: Vật mang đặc điểm của con người. Thời tiết khắc nghiệt, từ đó thấy được khó khăn mà anh thanh niên trải qua, cũng như tinh thần vượt khó, và lòng yêu nghề của anh thanh niên.

e. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Hình thức:

+ Đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả

+ Có sử dụng hợp lí một câu hỏi tu từ (có chú giải rõ ràng)

- Nội dung: HS cần bám vào ngữ liệu, khai thác hợp lí các tín hiệu nghệ thuật ngôi kể, ngôn ngữ... để làm rõ nội dung hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên.

+ Hoàn cảnh sống

+ Công việc.....

22 . Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi sau:

“...Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh gò lưng, tần mẫn khắc từng nét: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của , nhưng phần nào gỡ rối được tâm trạng của anh...”

(Nguyễn Quang Sáng)

a. Đoạn trích trên trích trong tác phẩm nào? Nêu hoàn cảnh sáng tác tác phẩm đó.

b. Nêu ý nghĩa nhan đề tác phẩm chứa đoạn trích trên.

c. Câu văn thứ nhất trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu tác dụng.

d. Chỉ ra lời dẫn trực tiếp có trong đoạn trích trên.

e. Vì sao “ Cây lược chưa chải được mái tóc của con, nhưng phần nào gỡ rối được tâm trạng của anh?”

f. Bằng đoạn văn khoảng 13 câu theo cách viết diễn dịch, hãy làm rõ tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu, trong đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ- gạch chân.

Gợi ý:

a, b: HS tự làm

c: Phép tu từ liệt kê, điệp ngữ

Tác dụng: Cho người đọc hình dung rõ đặc điểm và công dụng của cây lược.

d. Lời dẫn trực tiếp: “Yêu nhớ tặng thu con của ba!”

e. “ Cây lược chưa chải được mái tóc của con, nhưng phần nào gỡ rối được tâm trạng của anh?” vì ông Sáu đã thực hiện được lời hứa với con. Và hơn nữa cây lược này góp phần làm vơi bớt nỗi ân hận vì những lúc nóng giận anh đã đánh con....

f. Đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Hình thức:

+ Đúng hình thức đoạn diễn dịch, đủ dung lượng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả

+ Có sử dụng hợp lí một câu hỏi tu từ (có chú giải rõ ràng)

- Nội dung: HS cần bám vào ngữ liệu, khai thác hợp lí các tín hiệu nghệ thuật ngôi kể, ngôn ngữ... để làm rõ nội dung tình cảm của ông Sáu dành cho con:

+ Khao khát mong được gặp con.

+ Trong ba ngày nghỉ phép không dám đi đâu chỉ quanh quẩn gần cho, quan tâm đến con.

+ Khi chia tay, ông xúc động khi con gọi ba.

+ Trở lại chiến trường không quên lời hứa, kì công làm cho con cây lược....

23. Đọc đoạn trích sau:

“ Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người có xảy ra một cuộc tranh luận, và một người nổi nóng đã không kiềm chế được mình mà nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: “ Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi những gì tôi nghĩ.”

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo, và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bây giờ bị sa lầy và lún dần xuống, và người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Thoát khỏi vũng lầy, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.

Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát, còn bây giờ anh lại khắc lên đá?”.

Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đó được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.

Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.”

(Hạt giống tâm hồn)

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?
- Hãy chỉ ra câu văn có sử dụng yếu tố nghị luận và cho biết tác dụng.
- Câu nói “*Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” gửi đến thông điệp gì cho người đọc?
- Bằng đoạn văn khoảng 13 câu hãy trình bày suy nghĩ của em về thông điệp đó.

Gợi ý:

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là: Tự sự
- Câu văn có sử dụng yếu tố nghị luận: “ *Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” đã gửi đến người đọc thông điệp: Hãy sống vị tha và biết ơn.
- Câu nói “ *Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*” đã gửi đến người đọc thông điệp: Hãy sống vị tha và biết ơn.
- Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:
 - Giải nghĩa thông điệp: sống vị tha, biết ơn.
 - Biểu hiện của lối sống vị tha, và biết ơn
 - Vai trò của lối sống đó.
 - Bàn luận: phê phán lối sống chấp nhận, vô ơn.

- Bài học nhận thức- liên hệ bản thân.

24. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một đồng xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông.

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.”

(Theo Tuốc-ghê-nhép. SGK Ngữ Văn 9; tập I)

a. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

b. Lời của ông lão và cậu bé trong câu chuyện trên đã tuân thủ phương châm hội thoại nào ?

c. Bằng đoạn văn khoảng 5- 7 câu nêu suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện trên.

Gợi ý:

a. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

b. Lời nói của ông lão và cậu bé trong câu chuyện đã tuân thủ phương châm hội thoại: lịch sự

c. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:

- Bài học rút ra từ câu chuyện:

+ Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác.

+ Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác

+ Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại.

d. Dựa vào câu c HS triển khai đoạn văn.

25. Ngữ liệu mở: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

NGỌN GIÓ VÀ CÂY SÒI

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức, ngọn gió lồng lộn, điên cuồng

lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã. Ngọn gió mệt mỏi, đành đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế?

Cây sồi già từ tốn trả lời:

-Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Càng ngày chúng sẽ phát triển càng mạnh mẽ, giúp tôi vững vàng hơn trước mọi sức mạnh của kẻ thù. Nhưng tôi phải cảm ơn ông, ngọn gió ạ! Chính những cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

a. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

b. Hình ảnh ngọn gió và cây sồi tượng trưng cho điều gì?

c. Thông điệp mà câu chuyện muốn gửi đến mọi người là gì?

d. Từ bài học của câu chuyện “Ngọn gió và cây sồi”, em hãy tạo lập một văn bản bàn về lòng dũng cảm và nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

Gợi ý:

a. Phương thức biểu đạt: Tự sự

b. Hình ảnh ngọn gió và cây sồi tượng trưng cho:

+ Ngọn gió: tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống.

+ Cây sồi: tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không ngục ngã trước nghịch cảnh.

c. Thông điệp mà tác giả gửi đến người đọc:

- Trong cuộc sống luôn ẩn chứa vô vàn những khó khăn, trở ngại, đòi hỏi con người phải có lòng dũng cảm để vượt qua nó.

- Muốn thành công trong cuộc sống thì con người phải có niềm tin vào bản thân, và tôi luyện cho mình ý chí, nghị lực, khát vọng để vượt qua khó khăn.

d. Đoạn văn cần đảm bảo ý sau:

- Dẫn dắt vào luận đề và trích dẫn luận đề.

- Giải thích: lòng dũng cảm, và nghị lực: là gan dạ, không lùi bước trước khó khăn

- Biểu hiện của lòng dũng cảm và nghị lực:

+ Người có nghị lực không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven...

+ Luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.

+ Những người bị bệnh tật hiểm nghèo hoặc bị khiếm khuyết trên thân thể: cố gắng tự chăm sóc cho bản thân, cố gắng tập luyện, làm những việc có ích: Nik....

- Vai trò của lòng dũng cảm và ý chí nghị lực:

+ Vượt qua được khó khăn, nghịch cảnh.

+ Vươn lên thành công trong cuộc sống.

- + Được mọi người ngưỡng mộ...
- Bàn luận: Phê phán những người nản chí, buông xuôi, phó mặc cho số phận..
- Bài học nhận thức và liên hệ bản thân.

26. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Khoảng cách thế hệ trong nhiều gia đình, giữa học trò tuổi teen và bố mẹ, thậm chí bố mẹ cũng còn rất trẻ, giờ có thêm một tác nhân từ thế giới mạng, hay đúng hơn là sự cám dỗ của mạng kết nối. Nhiều ông bố bà mẹ không tài nào ngủ được khi thấy chiếc đèn của chiếc modem nhấp nháy liên hồi. Có ông bố cứ 23 giờ là tắt nguồn modem. Lập tức nghe thấy một tiếng “á” kinh dị từ tầng trên, và đôi khi cả tiếng làu bàu hồn nhiên không giấu giếm của mấy anh chàng sinh viên thuê nhà bên cạnh, đêm đêm vẫn “húng” sóng wifi “chùa”. Nhưng tắt modem rồi vẫn không ngắt được kết nối, khi sóng 3G trên điện thoại vẫn chạy vù vù, ư

(Trích *Kết nối và ngắt kết nối*, Hà Nhân theo *Sống như cây rừng*, NXB Văn học, 2016)

Câu 1. Chỉ ra các biệt ngữ xã hội được dùng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, nguyên nhân của khoảng cách giữa các thế hệ trong gia đình là gì? Từ đó, em có suy nghĩ như thế nào về ý nghĩa của việc “ngắt kết nối” trong thời đại số?

Câu 3. Từ ý nghĩa của việc “ngắt kết nối” trong thời đại số mà đoạn trích gợi ra, kết hợp với những trải nghiệm thực tiễn của bản thân, trong khoảng 2/3 trang giấy thi, hãy đưa ra lời cảnh báo cho toàn xã hội về nguy cơ của việc lạm dụng mạng Internet

Gợi ý:

Câu 1: *Biệt ngữ xã hội: “ húng”, “ chùa”*

Câu 2:

- Nguyên nhân của khoảng cách: sự cám dỗ của mạng Internet
- Ý nghĩa của việc “ngắt kết nối”: con người không bị cuốn đi theo những vòng xoáy thông tin hỗn độn. Làm cho các thành viên trong gia đình xích lại gần nhau hơn.

Câu 3:

- **Mở đoạn:** Dẫn vào vấn đề (xã hội thời đại số, mạng Internet: hai mặt -> lạm dụng – hậu quả)

- **Thân đoạn:**

+ Giải thích các khái niệm: thời đại số? mạng Internet?

+ Khẳng định lợi ích của mạng Internet (ngắn gọn)

+ Giải thích: lạm dụng mạng Internet? Biểu hiện của lạm dụng?

+ Phân tích hậu quả của việc lạm dụng: giảm tương tác trực tiếp Dẫn chứng- phân tích

-> tăng khoảng cách tình thân, lơ là mục tiêu chính -> lạc hướng, sai đường, nã thiếu thời gian nghỉ ngơi -> căng thẳng, mệt mỏi, trầm cảm, nguy cơ của nhiều tệ nạn xã hội...

+ Khuyến cáo: hãy là người thông minh khi sử dụng mạng Internet

- **Kết đoạn** : Liên hệ việc rút ra bài học thực tiễn cho bản thân.

27. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Mỗi chúng ta hình như chỉ chú ý đến bản thân mình nhiều đến nỗi quên mất thế giới bên ngoài bao la và phong phú vô vàn. Bạn sẽ không nhìn thấy trái đất đang vận chuyển từng ngày, những người bên cạnh bạn đang thay đổi từng giờ, những vật xung quanh bạn đang đang di chuyển từng phút giây... Ở đây không phải tôi muốn nói bạn vô tình mà bạn chỉ là đang bỏ quên ...Bạn “bỏ quên” một người bạn thân đang buồn phiền, bạn “bỏ quên” một cơn gió đang âu yếm thổi qua tán lá, bạn “bỏ quên” ánh mặt trời đỏ chói chang lặn phía trời tây, bạn “bỏ quên” niềm vui trong ánh mắt mẹ khi thấy bạn đi học về, bạn tiếp tục “bỏ quên” cây bàng trước cửa đang lâm râm vài lá đỏ, bạn đang “bỏ quên” nhiều thứ...

1, Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên.

2, Theo em, vì sao tác giả lại đặt từ “bỏ quên” trong dấu ngoặc kép ?

3, Cuộc sống xung quanh ta bao la và phong phú vô ngần. Nhưng hình như chúng ta đang “bỏ quên” nhiều thứ... Từ những gợi mở của bài viết cùng trải nghiệm của bản thân, em hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy với nội dung “*Biết quan sát để yêu thương nhiều hơn*”

Gợi ý:

1. Phương thức biểu đạt: nghị luận

2. Tác giả đặt chữ “bỏ quên” trong ngoặc kép:

+ đánh dấu từ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

+ bỏ quên là thái độ thờ ơ, không quan tâm, không lắng nghe, không thấu hiểu, không đồng cảm, sẻ chia.

3. **Dẫn dắt vào đề- trích dẫn luận đề**

Giải thích:

- Quan sát là nhìn, xem xét để biết chính xác sự vật, hiện tượng nào đó

- Biết quan sát ở đây là đề cập tới việc biết cách chú ý, biết quan tâm tới cuộc sống, tới mọi người xung quanh.

=> biết quan sát để yêu thương nhiều hơn: biết quan tâm, chú ý, cảm nhận, thấu hiểu và yêu thương, trân trọng cuộc sống cũng như mọi người xung quanh mình hơn.

Biểu hiện:

- Để ý, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ: Thấy người gặp khó khăn thì giúp đỡ, thấy họ gặp buồn đau thì chia sẻ, động viên.
- Quan sát tâm để yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, luôn đặt hoàn cảnh của mình vào hoàn cảnh của người khác.
- + Anh Nguyễn Trung Nam – người thợ sửa chữa điều hòa là người luôn biết quan sát, và thấu cảm. Có lẽ vậy mà anh không quản khó khăn, nguy hiểm anh đã leo lên tầng của ngôi nhà đang cháy để cứu cháu bé ở quận Hoàng Mai. Với anh, anh coi cháu bé như là con anh vậy.
- + Anh Nguyễn Ngọc Mạnh cứu cháu bé 3 tuổi rơi từ chung cư tầng 12....

Tại sao biết quan sát để yêu thương nhiều hơn? (Vai trò của quan sát và yêu thương)

- Biết quan sát – biết chú ý, con người sẽ biết cảm nhận, trân trọng, yêu thương hơn những vẻ đẹp của cuộc sống, con người quanh ta – từ vẻ đẹp của thiên nhiên đến vẻ đẹp của con người... những điều bình dị nhưng chính là chân giá trị của cuộc sống mà nếu không để ý ta sẽ dễ dàng bỏ qua, “bỏ quên”...
- Biết quan sát – quan tâm => con người thấu hiểu, đồng cảm, biết yêu thương nhiều hơn => giúp người gặp khó khăn vượt hoạn nạn, giúp người với người xích lại với nhau => các mối quan hệ thêm gắn kết.

(Dẫn chứng)

-Quan sát và yêu thương làm cho xã hội tốt đẹp hơn, con người sống nhân văn hơn.

Mở rộng: Quan sát khác với soi mói. Khác với người biết quan sát, người soi mói luôn nhìn nhận, đánh giá mọi việc theo hướng tiêu cực. Người biết quan sát => biết nhìn c/s không chỉ bằng đôi mắt mà còn bằng trái tim sẽ có cách giao tiếp, ứng xử tinh tế và cảm nhận cuộc sống sâu sắc hơn, sống nhân văn.

- Phê phán lối sống vô cảm ...

Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân

- quan sát, lắng nghe, cảm nhận cuộc sống...=> trân trọng và tận hưởng vẻ đẹp của cuộc sống là lối sống đẹp.
- quan tâm, chia sẻ và yêu thương bằng những việc làm cụ thể: giúp đỡ, sẻ chia...
- tránh xa lối sống vô cảm, ích kỉ...

28. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hóa đã biết dung đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn.[...] Hạ Long vậy đó, cho ta một bài học, sơ đẳng mà cao sâu: Trên thế gian này chẳng có gì là vô tri cả.

(Theo Nguyễn Ngọc, *Hạ Long – Đá và Nước* , NXB GDVN, 2019)

1, Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? Hãy giải thích tại sao các danh từ *Đá* và *Nước* lại được tác giả viết hoa?

2, Theo em, Hạ Long cho ta bài học gì?

3, Từ những hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy) ý kiến: ***Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người.***

Gợi ý:

1. PTBD chủ yếu: TM

Đá và **Nước** được viết hoa vì qua phép nhân hóa nó như con người, là một nhân vật cụ thể.

2. Bài học:

+ Trên thế gian này không có gì là vô tri...

+ Con người hãy biết lắng nghe, trân trọng, bảo vệ và giữ gìn thiên nhiên

3.

Giải thích: Thiên nhiên là gì? Bảo vệ thiên nhiên là gì? (bảo vệ thiên nhiên là yêu mến, trân trọng thiên nhiên; ...)

Biểu hiện của việc bảo vệ thiên nhiên

Vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên...(lấy dẫn chứng để chứng minh)

Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ sự sống của con người vì con người có quan hệ mật thiết với thiên nhiên; phải bảo vệ thiên nhiên vì thiên nhiên đem đến cho con người bao điều kì diệu, có giá trị về cả v/c (tài nguyên, nguồn nước, không khí...) và tinh thần (vẻ đẹp của những danh lam thắng cảnh...)

Bàn luận, mở rộng vấn đề: phê phán những người không có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân

Hiểu được tầm quan trọng của thiên nhiên với cuộc sống con người; biết chung tay bảo vệ và làm cho thiên nhiên ngày càng tươi đẹp

Hành động...

29. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Sống một cuộc đời cũng như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự định được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải phải bạn.

Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức.

(Trích *Nếu bạn biết trăm năm là hữu hạn* – Phạm Lữ Ân, NXB Hội nhà văn 2012)

1, Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.

2, Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong câu văn: *Sống một cuộc đời cũng như vẽ một bức tranh vậy*.

3, Như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức, ước mơ cháy bỏng đang nằm nơi sâu thẳm trái tim em. Hãy bằng một văn bản nghị luận khoảng 2/3 trang giấy, trình bày suy nghĩ của em về chủ đề: Đánh thức ước mơ.

Gợi ý:

1, PTBD: nghị luận

2, Phép tu từ: so sánh

Tác dụng: giúp người đọc hình dung rõ hơn vai trò của mỗi người đối với c/đ của mình. Một bức tranh đẹp hay xấu là do người vẽ, cũng như c/đ mình có ý nghĩa hay không cũng do bản thân mỗi người tự tạo dựng nên nó...

3, Đoạn văn

* HT: đúng đoạn văn ; dung lượng đủ

* Nội dung: đánh thức giấc mơ

- Giải thích: giấc mơ là gì? Thế nào là đánh thức giấc mơ?

- Biểu hiện của việc đánh thức giấc mơ

- Vai trò của việc đánh thức giấc mơ của mỗi người: Tại sao chúng ta phải đánh thức giấc mơ của mình?

(HS lấy dẫn chứng thực tế để chứng minh)

- Phản đề: phê phán những con người sống thụ động, không có hoài bão, mơ ước, không nỗ lực, cố gắng...

- Liên hệ bản thân...

30. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi sau:

...Ta vẫn thấy những người chỉ hành động có điều kiện, chọn dễ dàng thay vì vất vả, không mấy khi quan tâm “gian khổ sẽ dành phần ai”, song cũng thấy những người đã chọn gian khổ, sống khác đi. Trong rất nhiều người tốt thực sự tôi được gặp, họ không hề đắn đo giữa thiệt hơn, tin rằng việc mình đang làm chắc chắn cần phải làm và hành động không điều kiện. Họ tin rằng điều mình đang cần làm cho ai đó, ...

Tôi cũng thấy tinh thần ấy trong hành động của thiếu tướng Nguyễn Văn Man, đại tá Nguyễn Hữu Hùng, chủ tịch huyện Phong Điền Nguyễn Văn Bình và các cộng sự của họ khi quyết định đi tới thủy điện Rào Trăng 3.

Tôi tin có bao người trên trái đất này thì có bấy nhiêu khái niệm về cuộc sống, về sự hài lòng. Hạnh phúc với tôi được dồn năng lượng cho những việc mình tin là cần và đúng, sẵn sàng và không hối

tiếc...

(Trích *Sống khác đi* – Hồng Phúc, Báo VnExpress.net, ngày 19/10/2020)

- 1, Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.
- 2, Đoạn trích có đề cập đến quan điểm “ sống khác đi”. Theo tác giả thì “ sống khác đi” là sống như thế nào?
- 3, Từ việc đọc hiểu đoạn trích trên và chứng kiến bao việc làm mà người dân Việt Nam ta trao nhau trong hoạn nạn do thiên tai ở miền Trung vừa qua, em hãy viết một văn bản nghị luận khoảng 2/3 trang giấy bày tỏ suy nghĩ của mình về quan điểm sống: *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình*.

Gợi ý:

1, PTBD: nghị luận

2, Sống khác đi: hành động vì người khác , vô tư, không tính toán thiệt hơn, sẵn sàng nhận việc gian khổ, sống biết chia sẻ ...

3, Đoạn văn:

* HT: đúng đoạn văn ; dung lượng đủ

* Nội dung: ***Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình***

- Giải thích:

+ cho: là sự san sẻ, giúp đỡ, yêu thương.. .của mỗi chúng ta dành cho những người xung quanh mình

+ nhận: cái ta đón lấy, nhận về cho mình

+ *sống ... mình*: là lẽ sống cao đẹp mang tính nhân văn, lối sống giao hòa với cộng đồng, xã hội, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khác không toan tính, vụ lợi

- Biểu hiện của việc cho đi trong lối sống hiện nay (lấy dẫn chứng thực tế để lập luận)

- Vai trò ý nghĩa: Tại sao *sống mình*?

+ làm cho c/s trở nên ý nghĩa hơn, thấy bình an và hạnh phúc trong tâm hồn ; con người gắn kết với nhau, xã hội ngày càng phát triển...

(HS lấy dẫn chứng thực tế để chứng minh)

- Phản đề: phê phán những con người sống vô cảm, ích kỉ...

- Liên hệ bản thân...

MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 14, cụ thể:

1. Chương II: Các nước Á, Phi, Mĩ la – tinh từ năm 1945 đến nay
2. Chương III. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay
3. Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. Một số dạng câu hỏi và bài tập.

Bài 1: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Đầu thế kỉ XIX, Nam Phi chịu sự thống trị của nước thực dân nào?

- A. Anh B. Hà Lan C. Pháp D. Đức

Câu 2: Tổ chức chính trị nào đã lãnh đạo nhân dân Nam Phi đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc?

- A. Đại hội dân tộc Phi B. Tổ chức thống nhất châu Phi
C. Liên minh châu Phi D. Đại hội thống nhất châu Phi

Câu 3: Chiến lược nào được chính phủ Nam Phi đề ra nhằm xóa bỏ chế độ Apartheid về kinh tế?

- A. Phân phối lại hàng hóa và thị trường.
B. Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại
C. Bình đẳng trong kinh tế
D. Tăng trưởng bền vững

Câu 4: Tổ chức nào ở châu Phi đóng vai trò chủ yếu trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế- chính trị ở khu vực?

- A. Liên minh châu Phi B. Cộng đồng kinh tế châu Phi
C. Hội đồng tương trợ kinh tế châu Phi D. Hiệp hội các nước châu Phi

Câu 5: Điều không phải là điều kiện khách quan tác động đến sự bùng nổ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

- A. Sự thất bại của chủ nghĩa phát xít
B. Sự suy yếu của thực dân Anh, Pháp
C. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, Trung Quốc
D. Sự phát triển về ý thức dân tộc của các quốc gia ở châu Phi

Câu 6: Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi cũng được xếp vào phong trào giải phóng dân tộc?

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân
B. Cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc là sự tiếp nối của phong trào giải phóng dân tộc
C. Nó là sự áp bức, kì thị của người da trắng với người da màu
D. Nó lật đổ quyền thống trị của thực dân da trắng ở Nam Phi

Câu 7: Tình trạng không ổn định của châu Phi đặt ra yêu cầu gì cho toàn nhân loại hiện nay?

- A. Cần có sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trên tất cả các lĩnh vực
B. Cần phải xóa bỏ triệt để chế độ phân biệt chủng tộc
C. Cần phải phân định lại đường biên giới cho phù hợp
D. Cần phải loại bỏ các phần tử khủng bố ở khu vực

Câu 8: Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi diễn ra sớm nhất ở khu vực nào?

- A. Bắc Phi B. Trung Phi C. Nam Phi D. Đông Phi

Câu 9: Sự kiện nào được xem là mốc mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A. Cuộc binh biến của sĩ quan Ai Cập B. Cuộc nổi dậy của nhân dân Libi
C. Cuộc đấu tranh của Angiêri D. “Năm châu Phi”

Câu 10: Ai là Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi?

- A. J.Nêru B. M.Gandi C. Phiđen cátxtorô D. Nenxon Mandêla

Câu 11: Đặc điểm chung của tình hình kinh tế- xã hội châu Phi sau khi giành độc lập là gì?

- A. Kinh tế- xã hội phát triển ổn định
B. Hầu hết vẫn trong tình trạng lạc hậu, không ổn định
C. Kinh tế có bước phát triển nhưng chính trị bất ổn
D. Chính trị ổn định nhưng kinh tế lại lạc hậu

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng không ổn định ở châu Phi từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX là

- A. Xung đột sắc tộc, tôn giáo, đói nghèo, dịch bệnh
B. Sự can thiệp trở lại của các nước lớn
C. Di hại của chủ nghĩa thực dân để lại
D. Ảnh hưởng của chiến tranh lạnh

Câu 13: Vì sao năm 1960 lại được gọi là “Năm châu Phi”?

- A. 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập
B. Chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp đổ hoàn toàn
C. Chủ nghĩa thực dân mới bị sụp đổ về cơ bản
D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị tiêu diệt

Câu 14: Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc của các nước nào ở châu Phi?

- A. Ai Cập B. Tuy-ni-di C. Ăng-gô-la D. An-giê-ri

Câu 15: Chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai tồn tại ở Nam Phi trong thời gian bao lâu?

- A. Hơn 50 năm. B. Hơn một thế kỉ. C. Hơn hai thế kỉ. D. Hơn ba thế kỉ.

Câu 16: Ý nào dưới đây không phải kết quả của cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

- A. Nen-xon Man-đê-la được trả tự do.
B. Bầu cử được tiến hành, người da đen được bầu làm tổng thống.
C. Chế độ A-pác-thai bị xóa bỏ.
D. Người da trắng vẫn được hưởng nhiều quyền lợi hơn người da đen.

Câu 17: Tội ác lớn nhất của chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai ở Nam Phi là gì?

- A. Bóc lột tàn bạo người da đen.
B. Gây chia rẽ nội bộ Nam Phi.
C. Tước quyền tự do của người da đen.
D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 18: Lãnh tụ của phong trào cách mạng ở Cuba (1959) là ai?

- A. N. Mandêla B. Phiđen Cátxtorô C. G. Nêru D. M. Gandi

Câu 19: Vì sao vào thập niên 60, 70 của thế kỉ XX, Mĩ Latinh được mệnh danh là “Lục địa bùng cháy”?

- A. Phong trào công nhân diễn ra sôi nổi
- B. Cuộc nội chiến giữa các đảng phái đối lập diễn ra liên tục
- C. Đấu tranh vũ trang phát triển mạnh mẽ
- D. Phong trào đấu tranh có sự tham gia của tất cả các lực lượng xã hội với nhiều hình thức phong phú

Câu 20: Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ hai, Cuba lại được coi là “Lá cờ đầu” trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?

- A. Lật đổ được chế độ độc tài, thiết lập chính phủ dân chủ
- B. Tạo tiền đề cho sự phát triển của phong trào đấu tranh của Mĩ Latinh ở giai đoạn sau

C. Sau khi lật đổ được chế độ độc tài, thiết lập chính quyền dân chủ, Cuba tiến lên xây dựng CNXH

D. Nước đầu tiên lật đổ được chế độ độc tài, lập nên chính quyền dân chủ, cổ vũ phong trào đấu tranh ở khu vực phát triển

Câu 21: Vì sao có thể khẳng định: Cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-đa (26-7-1953) đã mở ra một giai đoạn mới trong phong trào đấu tranh của nhân dân Cuba?

- A. Thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh vũ trang trên toàn đảo với những người trẻ tuổi
- B. Bước đầu làm sụp đổ chính quyền Batixta
- C. Giải phóng được nhiều tù chính trị cho cách mạng Cuba
- D. Giải phóng nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn ở Cuba

Câu 22: Điểm khác biệt cơ bản giữa phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh với châu Á, châu Phi ở đầu thế kỉ XIX là?

- A. Kẻ thù
- B. Phương pháp đấu tranh
- C. Lực lượng tham gia
- D. Kết quả

Câu 23: Câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Phiden Caxtorô khi nói về mối quan hệ Việt Nam năm 1972 là gì?

- A. "Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình".
- B. "Người Cuba đang, bước lên con đường mà người anh em Việt Nam đã vạch ra".
- C. "Tên tôi là Việt Nam. Tên anh là Việt Nam, tên chúng ta là Việt Nam. Việt Nam-Hồ Chí Minh- Điện Biên Phủ".
- D. "Việt Nam - lương tri của thời đại".

Câu 24: Cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Mĩ Latinh trong những năm 60-80 của thế kỉ XX đưa tới kết quả gì?

- A. Nhiều nước Mĩ Latinh giành được độc lập thoát khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha
- B. Làm cho các nước Mĩ Latinh bị phụ thuộc, trở thành sân sau của đế quốc Mĩ
- C. Chính quyền độc tài bị lật đổ, các chính phủ dân tộc - dân chủ được thiết lập ở

nhiều nước Mỹ Latinh.

D. Các nước Mỹ Latinh vươn lên, phát triển nhanh chóng và trở thành các nước công nghiệp.

Câu 25: Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, kinh tế của các nước Mỹ Latinh có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Kinh tế phát triển với tốc độ cao
- B. Vươn lên trở thành trung tâm kinh tế tài chính mới nổi của thế giới
- C. Gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng thấp
- D. Khủng hoảng trầm trọng

Câu 26: Ngày 1-1-1959 ở Cuba đã diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng?

- A. 135 thanh niên yêu nước do Phiden Catsxtorô chỉ huy tấn công trại lính Moncada
- B. Chế độ độc tài Batixta bị lật đổ
- C. Chế độ độc tài Batixta được thiết lập
- D. Cuộc tấn công của Mĩ ở bờ biển Hi-rôn

Câu 27: Tại sao lại gọi là khu vực Mỹ Latinh?

- A. Chủ yếu là thuộc địa của Pháp, nói ngữ hệ Latinh
- B. Chủ yếu là thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, nói ngữ hệ Latinh
- C. Ngữ hệ Latinh là ngôn ngữ bản địa
- D. Chủ yếu là thuộc địa của Anh, nói ngữ hệ Latinh

Câu 28: Các nước Mỹ La-tinh là chỉ khu vực địa lý nào?

- A. Vùng Bắc Mĩ
- B. Vùng Nam Mĩ
- C. Châu Mĩ
- D. Vùng Trung và Nam Mĩ

Câu 29: Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, kinh tế của các nước Mỹ Latinh có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Kinh tế phát triển với tốc độ cao
- B. Vươn lên trở thành trung tâm kinh tế tài chính mới nổi của thế giới
- C. Gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng thấp
- D. Khủng hoảng trầm trọng

Câu 30: Tại sao từ đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, Mĩ-Latinh được xem là một "đại lục núi lửa"?

- A. Vì có nhiều núi lửa đang hoạt động
- B. Vì một cao trào đấu tranh đã bùng nổ ở nhiều nước Mĩ - La tinh, đấu tranh vũ trang đang diễn ra ở một số nước
- C. Cả hai câu a và b đều đúng
- D. Cả hai câu a và b đều sai

Câu 31: Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mỹ La-tinh ở trong tình trạng như thế nào?

- A. Thuộc địa của Anh, Pháp.
- B. Thuộc địa của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

C. Những nước hoàn toàn độc lập.

D. Những nước cộng hòa, những nước trên thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Câu 32: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La-tinh là:

A. chế độ phân biệt chủng tộc.

B. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

C. giai cấp địa chủ phong kiến.

D. chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Câu 33: Ngày 1-1-1959 ở Cuba đã diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng?

A. 135 thanh niên yêu nước do Phiden Catsxtorô chỉ huy tấn công trại lính Moncada

B. chế độ độc tài Batixta bị lật đổ

C. chế độ độc tài Batixta được thiết lập

D. cuộc tấn công của Mĩ ở bờ biển Hi-rôn

Câu 34: Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Mĩ La-tinh bùng nổ mạnh mẽ trong thời gian nào?

A. Những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 35: Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Mĩ La-tinh diễn ra chủ yếu dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân.

B. Khởi nghĩa nông dân.

C. Đấu tranh vũ trang.

D. Đấu tranh chính trị.

Bài 2: Trình bày sự phát triển về kinh tế, khoa học - kĩ thuật của nước Mĩ giai đoạn 1945 - 1973. Việc áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại có tác dụng gì đối với sự phát triển của nền kinh tế Mĩ?

Bài 3:

a. Hãy nêu những dẫn chứng tiêu biểu về sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX.

b. Những nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX?

Bài 4: Các nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Mĩ và Nhật Bản (trong giai đoạn những năm 50 – đầu những năm 70 của thế kỉ XX) có điểm gì giống và khác nhau?

Bài 5: Trình bày ngắn gọn hậu quả của Chiến tranh lạnh. Vì sao Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?

III. Gợi ý trả lời câu hỏi

Bài 1: HS bám sát nội dung kiến thức chương II để chọn đáp án đúng

Bài 2:

a. Sự phát triển về kinh tế:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ. Trong những năm 1945 - 1950:
 - + Sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm hơn một nửa công nghiệp thế giới (56,5%).
 - + Sản lượng nông nghiệp Mỹ bằng 2 lần sản lượng của 5 nước Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại.
 - + Mỹ có 50% tàu bè đi lại trên mặt biển, có 3/4 dự trữ vàng thế giới tập trung ở Mỹ. Mỹ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

b. Sự phát triển về khoa học kỹ thuật:

- Cuộc Cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại diễn ra ở Mỹ từ những năm 40 của thế kỉ XX.
- Mỹ là một trong những nước đi đầu và đạt được nhiều thành tựu to lớn, trong nhiều lĩnh vực như
 - + Chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động)
 - + Vật liệu mới (pôlime, vật liệu tổng hợp);
 - + Năng lượng mới (năng lượng nguyên tử...);
 - + Sản xuất vũ khí (bom nguyên tử, bom khinh khí, tên lửa đạn đạo);
 - + Chinh phục vũ trụ (năm 1969 đưa tàu và người thám hiểm mặt trăng, thám hiểm sao Hỏa);
 - + Đi đầu cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp...

c. Tác dụng của việc áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật:

- Nhờ áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và điều chỉnh hợp lí cơ cấu nền kinh tế Mỹ;
- Là một trong những nguyên nhân chính đưa đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mỹ.

Bài 3:

a. Sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX được thể hiện:

- Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) năm 1950 là 20 tỉ USD, năm 1968 là 183 tỉ USD, đứng thứ hai thế giới, sau Mỹ (830 tỉ USD)...
 - Về công nghiệp: Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong những năm 50 là 15%, những năm 60 là 13,5%.
 - Về nông nghiệp: Trong những năm 1967 - 1969, Nhật Bản đã cung cấp được hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước; nghề đánh cá đứng thứ 2 trên thế giới sau Pê-ru.
- => Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính trên thế giới.

b. Những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX bao gồm:

- Truyền thống văn hoá, giáo dục lâu đời của người Nhật - sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiên bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.
- Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti Nhật Bản.
- Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển, nắm bắt đúng thời cơ và sự điều tiết cần thiết để đưa nền kinh tế liên tục tăng trưởng.
- Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm.

Bài 4:

- Điểm giống nhau về nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Mĩ, Nhật Bản

- + Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
- + Vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả.
- + Các công ty năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt và cạnh tranh cao.
- + Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài: (Mĩ - lợi dụng chiến tranh để làm giàu,...; Nhật Bản - viện trợ của Mĩ, chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam,...).

- Điểm khác nhau về nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Mĩ, Nhật Bản

- + Mĩ: lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên và không bị tàn phá bởi chiến tranh.
- + Nhật Bản: con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu; chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.

Bài 5:

*** Hậu quả của Chiến tranh lạnh.**

- Sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa khiến cho nhân loại luôn bị đặt trong tình thế “đụng đũa bên miệng hố chiến tranh”.
- Các cường quốc tiêu tốn một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người cho việc chạy đua vũ trang.

*** Nguyên nhân Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.**

- Cuộc “Chiến tranh lạnh” kéo dài hơn bốn thập kỉ đã làm cho hai nước tổn kém và bị suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt so với các cường quốc khác.
 - Nhật Bản và Tây Âu... phát triển mạnh mẽ, trở thành đối thủ cạnh tranh với Mĩ. Còn Liên Xô đang lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.
- => Hai cường quốc Liên Xô – Mĩ đều cần phải thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình. Tháng 12/1989, Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

MÔN CÔNG NGHỆ

I. Nội dung ôn tập: Từ bài 1 đến bài 7.

II. Câu hỏi ôn tập:

Câu1: Nêu cấu tạo của dây dẫn được bọc cách điện và cách sử dụng dây dẫn điện.

Câu2: Nêu cấu tạo và cách sử dụng của dây cáp điện. So sánh cấu tạo dây dẫn điện và dây

cáp điện. Cho ví dụ về vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện.

Câu 3: Kể tên các loại đồng hồ đo điện, các loại dụng cụ cơ khí em đã học? Nêu công dụng chúng ?

Câu 4: Kể các loại mối nối, yêu cầu và quy trình chung của mối dây dẫn điện trong mạng điện trong nhà?

Câu 5: Bảng điện chính, bảng điện nhánh có nhiệm vụ gì?

Câu 6: Nêu các bước vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện, áp dụng nêu các bước vẽ mạch điện đèn ống huỳnh quang.

Câu 7: Nêu quy trình chung lắp đặt mạch điện bảng điện? Khi lắp đặt mạch điện xong lúc vận hành mạch không hoạt động được em phải làm gì ?

Câu 8: Hãy vẽ sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt của các mạch điện bài 6

III. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Những công việc nào không được tiến hành trong nhà?

- A. Lắp đặt
- B. Bảo dưỡng
- C. Sửa chữa đồ dùng điện
- D. Gàn khu vực có điện

Câu 2: Điều kiện nào sau đây không phải điều kiện làm việc của nghề điện dân dụng:

- A. Thường phải đi lưu động
- B. Làm việc ngoài trời
- C. Tiếp xúc nhiều với hóa chất độc hại
- D. Làm việc tại khu vực có điện

Câu 3: Chọn phát biểu sai: Đối tượng lao động của nghề điện dân dụng là:

- A. Nguồn điện một chiều
- B. Nguồn điện xoay chiều điện áp thấp dưới 380V
- C. Nguồn điện xoay chiều điện áp cao trên 380V
- D. Các loại đồ dùng điện

Câu 4: Đầu không phải là vật liệu cách điện?

- A. Pulí sứ
- B. Vỏ cầu chì
- C. Dây đồng
- D. Vỏ đui đèn

Câu 5: Theo em, mạng điện trong nhà thường sử dụng loại dây dẫn nào?

- A. Dây trần
- B. Dây dẫn bọc cách điện
- C. Dây cáp điện
- D. Dây trần và dây dẫn bọc cách điện

Câu 6: Dựa vào lớp vỏ cách điện, dây dẫn điện chia làm mấy loại?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 7: Phần cách điện của các thiết bị điện, đồ dùng điện thường được làm bằng vật liệu nào?

- A. Đồng
- B. Nhôm
- C. Nhựa hoặc cao su
- D. Mì ca

Câu 8: Đầu không phải là tên dụng cụ cơ khí?

- A. Đồng hồ vạn năng
- B. Panme
- C. Tua vít
- D. Búa

Câu 9: Cho vôn kế có thang đo 300V, cấp chính xác 2 thì sai số tuyệt đối lớn nhất là bao nhiêu?

- A. 2V B. 4V C. 6V D. 8V

Câu 10: Để đo điện áp ta sử dụng:

- A. Ampe kế hoặc đồng hồ vạn năng C. Vôn kế
B. Vôn kế hoặc đồng hồ vạn năng D. Oát kế hoặc đồng hồ vạn năng

Câu 11: Khi đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng phải bắt đầu từ thang đo:

- A. Lớn nhất C. Bất kì
B. Nhỏ nhất D. Đáp án khác

Câu 12: Chọn phát biểu sai:

- A. Để đo công suất điện ta sử dụng đồng hồ vạn năng hoặc oát kế
B. Để đo điện áp ta sử dụng đồng hồ vạn năng hoặc vôn kế
C. Để đo điện trở ta sử dụng ôm kế hoặc đồng hồ vạn năng
D. Để đo cường độ dòng điện ta sử dụng ampe kế hoặc đồng hồ vạn năng

Câu 13: Có mấy loại mối nối dây dẫn điện?

- A. 2 C. 4
B. 3 D. 5

Câu 14: Khi thực hiện nối dây dẫn điện, cần thực hiện mấy yêu cầu về mối nối?

- A. 3 C. 5
B. 4 D. 6

Câu 15: Khi thực hiện nối dây dẫn điện, yêu cầu mối nối là:

- A. An toàn điện
B. Độ bền cơ học cao
C. Dẫn điện tốt, an toàn điện, bền và đảm bảo về mặt mỹ thuật
D. Đáp án khác

Câu 16: Quy trình nối dây gồm bao nhiêu bước?

- A. 4 C. 5
B. 7 D. 6

Câu 17: Chọn phát biểu sai: Tại sao phải hàn mối nối trước khi bọc cách điện?

- A. Tăng sức bền cơ học cho mối nối C. Chống gỉ
B. Giúp dẫn điện tốt D. Giúp cách điện tốt

Câu 18: Mạng điện trong nhà thường có mấy loại bảng điện

- A. 1 C. 3
B. 2 D. 4

Câu 19: Trên bảng điện không lắp những thiết bị nào?

- A. Thiết bị chiếu sáng C. Thiết bị lấy điện của mạng điện
B. Thiết bị bảo vệ D. Thiết bị đóng cắt

Câu 20: Trên bảng điện có những phần tử nào?

- A. Cầu chì, ổ cắm, bóng đèn C. Công tắc, bóng đèn, ổ cắm
B. Ổ cắm, cầu chì, công tắc D. Cầu chì, công tắc, bóng đèn

MÔN GDCD

NỘI DUNG ÔN TẬP. Ôn các bài từ tuần 1 đến tuần 13 trong đó trọng tâm kiến thức:

- **Bài 7:** Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- **Chủ đề:** Lao động chủ động, sáng tạo, hiệu quả.

*** Yêu cầu :**

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách rèn luyện của phẩm chất đạo đức đã học...

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế...

*** Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

Câu 1: Mọi người được làm chủ công việc của tập thể và xã hội được gọi là:

- A. tự chủ B. dân chủ C. quản lí D. tự quản

Câu 2: Những quy định chung của cộng đồng, của một tổ chức xã hội, nhằm tạo ra sự thống nhất hành động để đạt chất lượng, hiệu quả trong công việc vì mục tiêu chung là:

- A. dân chủ B. pháp luật C. tự giác D. kỉ luật

Câu 3: Trường hợp nào sau đây là biểu hiện của việc thực hiện tốt dân chủ?

- A. Đại biểu quốc hội chất vấn các thành viên chính phủ
B. Không đi bỏ phiếu bầu đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân.
C. Phát hiện nhưng không tố giác tội phạm.
D. Ngại không dám phát biểu trong cuộc họp.

Câu 4: Thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật sẽ không mang lại lợi ích nào sau đây?

- A. Giúp củng cố quyền lực và uy tín của người lãnh đạo.
B. Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập.
C. Từng bước xây dựng được những mối quan hệ xã hội tốt đẹp.
D. Thúc đẩy mọi người tham gia vào những công việc chung.

Câu 5: Những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác được gọi là những:

- A. bản sắc văn hóa dân tộc C. di sản văn hóa dân tộc
B. thành tựu văn hóa D. truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Câu 6: Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những:

- A. thứ quý hiếm B. cổ vật có giá trị C. tài sản vô giá D. thói quen xưa cũ

Câu 7: Việc bảo vệ, kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc sẽ góp phần giữ gìn

- A. bản sắc dân tộc Việt Nam C. sự lạc hậu so với thế giới
B. nguyên vẹn lối sống của cha ông D. những thói quen xưa cũ

Câu 8: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc và...

- A. xếp hạng là di tích lịch sử
B. trưng bày trong các bảo tàng
C. truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác
D. Là phong tục lâu đời

Câu 9 : Vào ngày nghỉ, A cùng các bạn trong lớp kết hợp với các bạn trường quốc tế đi tuyên truyền, vận động mọi người cùng tham gia vệ sinh môi trường. Việc làm của A và nhóm bạn thể hiện nội dung nào dưới đây ?

- A. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới
B. Đấu tranh đẩy lùi dịch bệnh hiểm nghèo
C. Can thiệp vào công việc nội bộ của dân tộc khác
D. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Câu 10: Chủ động điều chỉnh cách thức giải quyết và xử lí công việc cho phù hợp với

yêu cầu của thực tế là biểu hiện của...

- A. năng động B. thiếu tính tự chủ C. sáng tạo D. thiếu ổn định

Câu 11: Để trở thành người năng động, sáng tạo, đòi hỏi mỗi chúng ta phải

- A. có thật nhiều tiền C. tích cực hoạt động, giao lưu
B. có sức khỏe D. tích cực, siêng năng rèn luyện

Câu 12: Sáng tạo là say mê nghiên cứu, tìm tòi để tạo ra những

- A. giá trị vật chất C. sản phẩm giống với cái đã có .
B. giá trị tinh thần D. cái mới

Câu 13: Để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả cần phải tránh điều nào sau đây?

- A. Lao động tự giác, sáng tạo C. Buông lỏng kỉ luật lao động
B. Làm việc năng động, sáng tạo D. Rèn luyện để nâng cao tay nghề

Câu 14: Để đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả trong quá trình làm việc đòi hỏi người lao động phải...

- A. đầu tư cho chất lượng sản phẩm
B. Chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá
C. tăng nhanh số lượng sản phẩm
D. tăng nhanh số lượng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng

Câu 15: Nhật Bản thường xuyên hỗ trợ Việt Nam về nguồn vốn cũng như cử các chuyên gia kĩ thuật sang hướng dẫn, đào tạo cho các công ty thành viên quy trình thu gom, vận chuyển, quản lý và xử lý chất thải. Việc giúp đỡ đó thể hiện thái độ nào dưới đây?

- A. Hợp tác B. Lịch sự, tế nhị
C. kiên trì D. Khoan dung

Câu 16: Làm việc có có năng suất, chất lượng hiệu quả sẽ giúp cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội từng bước...

- A. phát triển và hội nhập B. nâng cao chất lượng cuộc sống
C. đổi mới và phát triển D. kiếm được nhiều tiền

Câu 17: Những việc làm nào sau đây thể hiện tính dân chủ?

- A. Nhà trường cho học sinh học tập nội quy của trường
B. Ông Bính tổ trưởng tổ dân phố quyết định mỗi gia đình đóng 100.000 nghìn đồng ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
C. Nam không đến dự sinh hoạt Đoàn theo kế hoạch
D. Trong một trận bóng đá các cầu thủ xảy ra xô xát.

Câu 18: Hành vi nào sau đây thể hiện lòng yêu hòa bình?

- A. Phân biệt đối xử với người nước ngoài
B. Bắt mọi người phải phục tùng theo ý mình
C. Tôn trọng nền văn hóa các nước
D. Dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp

Câu 19: Hoạt động nào **không** thể hiện tình hữu nghị của nhân dân ta với nhân dân các nước?

- A. Can thiệp vào công việc nội bộ các nước
B. Đa dạng hóa mở quan hệ ngoại giao với các nước
C. Hợp tác song phương về kinh và chính trị với các nước
D. Tham gia giao lưu văn hóa, văn nghệ với các nước.

Câu 20: Tổ chức hiệp hội các quốc gia Đông nam Á viết tắt là gì?

- A. ASEAN B. UNDP C. UNICEF D. FAO

II. CÂU HỎI ÔN TẬP.

Câu 1. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì? Cho hai ví dụ thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta?

Câu 2. Thế nào là năng động, sáng tạo? Nêu biểu hiện của năng động, sáng tạo trong học tập? Tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tính năng động, sáng tạo?

Câu 3. Vì sao học sinh phải rèn luyện tính năng động, sáng tạo? Để rèn luyện được đức tính đó học sinh cần phải làm gì?

III. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: Bình và Lan rủ nhau vào thư viện nhà trường đọc sách. Lan đọc những cuốn sách về truyền thống và phong tục tập quán của các dân tộc. Bình đến và nói: “thời đại công nghệ 4.0 rồi mà cậu còn đọc những cuốn sách này làm gì?”.

Câu hỏi:

- Nhận xét hành vi của Bình.
- Nếu em là Lan, em sẽ ứng xử như thế nào?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình?

Tình huống 2: Cuối năm học, Dũng bàn: Muốn ôn thi cho đỡ vất vả, cần chia ra mỗi người làm một môn, rồi mang đến trao đổi với nhau. Làm như vậy, khi cô giáo kiểm tra, ai cũng có đáp án. Nghe vậy nhiều bạn khen đó là cách làm hay, mà lại nhàn thân.

Câu hỏi:

- Việc làm của Dũng và các bạn đúng hay sai. Vì sao?
- Nếu em ở trong nhóm bạn đó, em sẽ khuyên các bạn điều gì?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì cho bản thân mình?

GỢI Ý CÂU TRẢ LỜI NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì? Cho hai ví dụ thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta?

- Khái niệm: Là những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Học sinh tự lấy ví dụ.

Câu 2. Thế nào là năng động, sáng tạo? Nêu biểu hiện của năng động, sáng tạo trong học tập? Tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tính năng động, sáng tạo?

- Khái niệm:

+ Năng động: Tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm.

+ Sáng tạo: Say mê nghiên cứu, để tạo ra những giá trị mới về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới mà không bị gò bó phụ thuộc vào những cái đã có.

- Biểu hiện:

+ Rèn luyện tính siêng năng cần cù, chăm chỉ.

+ Biết vượt qua khó khăn thử thách, vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống.

+ Sáng tạo, say mê trong học tập và trong cuộc sống...

Câu 3. Vì sao học sinh phải rèn luyện tính năng động, sáng tạo? Để rèn luyện được đức tính đó học sinh cần phải làm gì?

- Vì phẩm chất năng động, sáng tạo giúp con người vượt qua khó khăn của hoàn cảnh, rút ngắn thời gian để đạt mục đích.

- Để rèn luyện được đức tính đó học sinh cần phải: Chăm chỉ, nỗ lực hết mình, không ngại

khó, ngại khổ, dung cảm và dám đương đầu với khó khăn thử thách...

III. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

H/s vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống cụ thể.

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR

<p>* Vocabulary in Unit 1 – Unit 6</p> <ol style="list-style-type: none">1. Local environment2. City life.3. Teen stress and pressure4. Life in the past.5. Wonders of Viet Nam.6. Viet Nam: Then and now.	<p>* Grammar:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Complex sentences (adverb clauses of concession, purpose, reason and time).2. Phrasal verbs.3. Comparisons.4. Reported speech.5. Wh – words to V.6. Used to V-o7. Wish sentences. (for present); Conditional sentences.8. Passive voice - Impersonal passive.9. Suggest + V-ing/ clause with should.10. Past tenses.11. Adjective to V/ adjective that Clause.
--	--

B. EXERCISES

PHONETICS

**Match the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of following question.*

- | | | | |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. A. pot <u>te</u> ry | B. pr <u>o</u> duct | C. wo <u>r</u> kshop | D. co <u>n</u> ical |
| 2. A. su <u>r</u> face | B. la <u>y</u> er | C. fr <u>a</u> me | D. bir <u>th</u> place |
| 3. A. ca <u>r</u> ved | B. im <u>p</u> ressed | C. emb <u>r</u> oidered | D. wea <u>v</u> ed |
| 4. A. cu <u>l</u> ture | B. po <u>p</u> ular | C. reg <u>u</u> lar | D. fab <u>u</u> lous |
| 5. A. co <u>n</u> flict | B. fo <u>r</u> bidden | C. re <u>l</u> iable | D. de <u>t</u> ermine |
| 6. A. co <u>n</u> duct <u>s</u> | B. re <u>t</u> urn <u>s</u> | C. wa <u>n</u> der <u>s</u> | D. wo <u>n</u> der <u>s</u> |
| 7. A. emb <u>a</u> rrassed | B. awa <u>r</u> eness | C. ab <u>a</u> ndoned | D. ca <u>p</u> tain |
| 8. A. in <u>cr</u> ease | B. su <u>r</u> prise | C. re <u>l</u> ease | D. pr <u>o</u> mise |
| 9. A. li <u>m</u> estone | B. pi <u>l</u> grim | C. ri <u>ck</u> shaw | D. ci <u>t</u> adel |
| 10. A. pl <u>u</u> mber | B. scu <u>l</u> pture | C. me <u>a</u> sure | D. str <u>u</u> cture |

**Match the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from in the other three in the position of primary stress in each following sentence.*

- | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|-----------------|
| 1. A. craftsman | B. attraction | C. museum | D. department |
| 2. A. embroider | B. lantern | C. impress | D. desire |
| 3. A. cosmopolitan | B. communication | C. multicultural | D. metropolitan |
| 4. A. assure | B. pressure | C. figure | D. leisure |
| 5. A. concentration | B. favorable | C. adolescence | D. relaxation |
| 6. A. transformation | B. independence | C. understanding | D. illiterate |

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------|-----------------|
| 7. A. particular | B. spectacular | C. remarkable | D. picturesque |
| 8. A. museum | B. monument | C. cathedral | D. contestant |
| 9. A. skyscraper | B. populous | C. financial | D. fabulous |
| 10. A. competition | B. generation | C. conical | D. authenticity |

VOCABULARY AND GRAMMAR

* Choose the correct option for each gap to complete the sentences.

- The food wasn't very nice; _____, I liked the restaurant atmosphere.
A. although B. so C. because D. however
- _____ Minh lost the contest, she managed to smile.
A. Although B. If C. Unless D. Despite
- After learning pottery making skills, he decided to _____ a workshop to sell his products.
A. pass down B. set up C. bring out D. put on
- Craft villages are becoming popular _____ in Vietnam.
A. tourist attraction B. tourists attraction C. tourist attraction D. tourist attractions
- Now, at the age of 80, the artisan is passing down the craft to his descendants to _____ it.
A. preserve B. rescue C. change D. consider
- She's never really _____ her sister.
A. lives on B. gets on with C. got on with D. lived on
- When the doctor came in, he went _____ all my test results and gave me a prescription.
A. out B. over C. in D. of
- My mother _____ woolen scarves for me every winter.
A. knits B. embroiders C. weaves D. sews
- We can _____ the information of the journey on leaflets.
A. look down B. look up C. look after D. look through
- I didn't know _____ to laugh or cry.
A. what B. if C. whether D. who
- This river is much less _____ than before. People are aware of the environment and they try to keep the river clean.
A. polluting B. polluted C. pollution D. pillutedly
- Physical changes are different for every, so you don't need to feel embarrassed or _____.
A. stressed B. nervous C. delighted D. frustrated
- You've been a bit tense lately so you need to _____ a break.
A. get B. make C. take D. do
- His father doesn't want him to get the _____ score in this exam.
A. highest second B. second high C. much higher D. second highest
- She has felt frustrated _____ she has a big assignment to complete.
A. if B. since C. because of D. so that
- We need to prepare food, do laundry and chores at home. They are _____ skills.
A. housekeeping B. cognitive C. social D. selfcare
- It's difficult for the old to _____ changes in technology.
A. turn on B. go with C. keep up with D. look through
- I wish everybody _____ aware of the important of preserving their culture.

A. is B. can be C. will be D. were

19. There is usually a _____ gap between the old and the young, especially when the world is changing so fast.

A. age B. seniority C. generation D. value

20. The farmers in my home village _____ transport rice home on trucks. They used buffalo-driven carts.

A. didn't use to B. used to C. didn't used to D. not to use

21. I wish I _____ her tomorrow.

A. met B. could meet C. will meet D. would meet

22. The teacher suggests _____ carefully before the exam.

A. review B. to review C. reviewing D. to reviewing

23. They asked me how _____ catch the ball in the previous match.

A. I caught B. did I catch C. I had caught D. had I caught

24. The children _____ going for a picnic this weekend.

A. look forward to B. look forward C. excited about D. excited by

25. He suggests _____ go by bikes to work.

A. we B. for we C. us D. for us

26. She _____ there for ten years since she _____ to this city.

A. learnt/ has moved B. learnt/ moved
C. has moved/ has moved D. has moved/ moved

27. Before the invention of television, people _____ films at the cinema.

A. played B. have played C. had played D. were playing

28. People in Viet Nam had travelled by bicycle before the first motorbike _____.

A. imported B. was imported C. had imported D. had been imported

29. It was brave of him to stay in the old house alone _____ whole night.

A. a B. an C. the D. x

30. It is necessary _____ you to know about your country's history.

A. of B. for C. with D. to

*** Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following question.**

1. My sister had worked in the bank for five years before she had been sent to Da Nang.

A B C D

2. At the moment, aid agencies are focusing their efforts of women and children.

A B C D

3. They said the support service will be set up the next month.

A B C D

4. Sarah wondered if to attend the life skills workshop that weekend.

A B C D

5. Robert told me that his father had flown to Dallas last year.

A B C D

6. He always feels left off when his friends talk about sports.

A B C D

7. The country has significant changed since we came here in 2007.

A B C D

8. All of us are astonished that life in the countryside to improve a lot.

A B C D

9. She wonder why he had left his job.

A B C D

10. People are said that My Son Sanctuary can be compared to Angkor in Cambodia.

A B C D

*** EVERYDAY ENGLISH.**

1. "I've passed my exam with the highest mark, dad!" – " ".

A. I think so. B. I hope so. C. How cool! D. Poor you!

2. Tom: "I feel really worried about the exam." - Lan: " _____ "

A. No way. B. Good luck! C. Go on! You can do it. D. I like it.

3. "Thanks for giving me a ride to work today." – "..... I was herding this direction anyway."

A. No worries B. I'd love to C. You don't need to D. Yes, thanks

*** CLOSEST MEANING.**

1. Under the major's able leadership, the soldiers have been safety.

A. guidance B. intensity C. flagship D. ability

2. Many language learners do not try to learn all new words they come across.

A. study B. like C. meet D. understand

3. You have to read the instruction before making models

A. look up B. look through C. look for D. look after

4. You will have more opportunities if you come to work in the city.

A. possibilities B. advantages C. difficulties D. disadvantages

5. The important thing is to keep the heat low so as not to burn the sugar.

A. beneficial B. good C. effective D. essential

*** OPPOSITE MEANING.**

1. Many roads, hotels have been built around man - made wonders.

A. original B. artificial C. natural D. fake

2. A small fish needs camouflage to hide itself so that its enemies cannot find it.

A. cover B. beautify C. show D. locate

3. Whenever he returns to this place, he is happy and contented.

A. serious B. satisfied C. discouraged D. displeased

4. As the home team, we have an advantage over the other team because of having been accustomed to the competing court.

A. Arriving B. coming C. visiting D. going

5. The ceasefire will only provide a temporary solution to the crisis.

A. short-term B. permanent C. genuine D. Satisfactory

READING COMPREHENSION:

** Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blank.*

My mother came from Baffin Island. She used (1) _____ in an igloo: a domed house built from blocks of ice. The house had only one room for all the generations: grandparents, parents, brothers, unmarried sisters, and sometimes other relatives. Everyone (2) _____ together to survive the

Arctic winter. Men went out hunting (3)_____ women stayed at home making clothes and preparing food. When they had to travel far, they (4)_____ on dogsleds. At night they used to entertain themselves by telling and (5)_____ out stories. They danced to drum music, too. (*Akycha from Canada*)

- | | | | |
|--------------|-------------|--------------|---------------|
| 1. A. live | B. to live | C. to living | D. living |
| 2. A. swam | B. sang | C. worked | D. woking |
| 3. A. while | B. during | C. before | D. because |
| 4. A. walked | B. rode | C. drove | D. went |
| 5. A. going | B. knocking | C. acting | D. performing |

*** Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the question.**

New York has Central Park; London has Hyde Park while Kuala Lumpur has its own piece of green belt amidst the **hustle and bustle** of city life. It's an ideal place for a leisurely stroll in a tranquil setting, all without having to leave the city. The Lake Gardens was created by Sir Alfred Venning, who persuaded the ruling government to allow him to turn a swamp land into rambling trails with **man-made** lakes, spanning 60 hectares. However, as the city expanded, the Lake Gardens reduced in size. However, it is still a sizeable area and boasts of more than just grass and water within its grounds. For example, the gardens incorporate the National Monument, Bird Park, Hibiscus Garden as well as Malaysia's Parliament House. Additionally, Carcosa Seri Negara is on a hilltop overlooking the Lake Gardens. Today, the nineteenth-century British colonial mansion has been **converted** into an exclusive hotel.

- In the Lake Gardens, you can visit the following spaces except _____.

A. The Bird Park	B. Hyde Park
C. the National Monument	D. the Hibiscus Garden
- Over time, the Lake Gardens has become smaller because _____.

A. it is swampy	B. it is getting overpopulated
C. of development	D. of the heat and noise
- The Carcosa Seri Negara is now a _____.

A. hotel	B. mansion	C. park	D. museum
----------	------------	---------	-----------
- The word **hustle and bustle** can best be replaced with _____.

A. busy	B. easy	C. dirty	D. noisy
---------	---------	----------	----------
- The synonym of the word **man-made** is _____.

A. natural	B. original	C. artificial	D. available
------------	-------------	---------------	--------------

WRITING

Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first.

- Lan can't speak English well.
⇔ Ba wishes _____
- They grow rice in tropical countries.
⇔ Rice _____
- "I will go to my village next week" Mr. Nick said.
⇔ Mr. Nick said _____
- She worked hard. She passed her exam. (in order)
⇔ She worked _____
- Keeping the environment clean is very important.

- ⇔ It's _____
6. They have just built a new bridge in the area.
⇔ A new bridge _____
7. How about going to the beach this weekend ?
⇔ Shall we _____
8. He had a headache, but he still went to work.
⇔ Although _____
9. She started painting this picture 2 hours ago.
⇔ She has _____
10. Because of the bad weather, we didn't go out for a picnic.
⇔ Because _____
11. I spend three hours doing my homework everyday.
⇔ It takes _____
12. He had a lot of money, but now he doesn't.
⇔ He used _____
13. They report that there is water on Mars.
⇔ It _____
14. "Why don't you watch more TV in English, Nam?"
⇔ The teacher suggested _____
15. David gave up smoking two years ago. (used)
⇔ _____

* **Mark the letter A, B, C or to indicate the meaningful sentence from the cues given.**

1. "What time did you come home last night, Mark?" said Tom.

- A. Tom asked Mark what time had he come home the previous night.
- B. Tom asked Mark what time he had come home last night.
- C. Tom asked Mark what time he came home last night.
- D. Tom asked Mark what time he had come home the previous night.

2. Did you always eat sweets when you were small?

- A. Were you use to eat sweets when you were small?
- B. Did you used to eat sweets when you were small?
- C. Were you used to eat sweets when you were small?
- D. Did you use to eat sweets when you were small?

3. We last visited Ho Chi Minh city 3 years ago.

- A. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years.
- B. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years
- C. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years ago.
- D. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years go.

4. Study hard or you will fail the exam.

- A. You don't fail the exam unless you study hard.
- B. If you don't study hard, you will fail the exam.
- C. You don't study hard, so you will fail the exam.
- D. Because you study hard, you don't fail the exam.

5. My school has no playground equipment or extra activities.

- A. I wish my school had had playground equipment or extra activities.
- B. I wish my school had playground equipment or extra activities.

- C. I wish my school can have playground equipment or extra activities.
- D. I wish my school will have playground equipment or extra activities.

6. "How beautiful is the dress you have just bought!" Peter said to Mary.

- A. Peter promised to buy Mary a beautiful dress.
- B. Peter said thanks to Mary for her beautiful dress.
- C. Peter complimented Mary on her beautiful dress.
- D. Peter asked Mary how she had just bought her beautiful dress.

7. "Close your books and go out to play", the teacher said to us.

- A. The teacher told us close our books and go out to play.
- B. The teacher told us to closing our books and go out to play.
- C. The teacher told us closing our books and go out to play.
- D. The teacher told us to close our books and go out to play.

8. My dad worked in a factory in the past, but doesn't work there now.

- A. My dad used to working in a factory.
- B. My dad used to be working in a factory.
- C. My dad used to work in a factory.
- D. My dad used to be work in a factory.

9. Mr. Peter has written a lot of articles for the CNN News.

- A. A lot of articles have written for the CNN News by Mr. Peter.
- B. A lot of articles have been written for the CNN News by Mr. Peter.
- C. A lot of articles has written for the CNN News by Mr. Peter.
- D. A lot of articles has been written for the CNN News by Mr. Peter.

10. Although he was tired, he finished doing his homework.

- A. In spite his tiredness, he finished doing his homework.
- B. In spite of his tiredness, he finished doing his homework.
- C. In spite of he was tired, he finished doing his homework.
- D. In spite his tired, he finished doing his homework.

11. He is a much slower speaker than my brother.

- A. He speaks much more slowly than my brother.
- B. He doesn't speak much more slowly than my brother.
- C. He speaks much more quickly than my brother.
- D. He doesn't speak much more quickly as my brother.

12. They often went to school by bike when they were young.

- A. They used go to school by bike when they were young.
- B. They used to going to school by bike when they were young.
- C. They used to go to school by bike when they were young.
- D. They used to went to school by bike when they were young.

13. She has taught her children to play piano for 4 years.

- A. She started teaching her children to play piano 4 years ago.
- B. She started to teaching her children to play piano 4 years ago.
- C. She started teaching her children to play piano for 4 years ago.
- D. She started teaching her children to play piano since 4 years.

14. It's a pity I can't cook as well as my mom.

- A. I wish I could cook as well as my mom.

- B. I wish I can cook as well as my mom.
- C. I wish I could cook as good as my mom.
- D. I wish I can cook as better as my mom.

15. It took me 4 hours to read the first chapter of the book.

- A. I spent 4 hours reading the first chapter of the book.
- B. I spent 4 hours to read the first chapter of the book.
- C. I spent 4 hours to reading the first chapter of the book.
- D. I spent 4 hours read the first chapter of the book.

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the meaningful sentence from the cues given.*

1. Last weekend/ I/ go/ Van Phuc village/ buy/ nice/ silk scarf/ mother.

- A. Last week I went to Van Phuc village to buy nice silk scarf for my mother.
- B. Last week I went to Van Phuc village and bought a nice silk scarf for my mother.
- C. Last week I went to Van Phuc village to buy nice silk scarf to my mother.
- D. Last week I went to Van Phuc village and buy a nice silk scarf to my mother.

2. Phong/ walk/ fast/ it/ really/ hard/ keep up with/ him.

- A. Phong walks fast, and it's really hard for keep up with him.
- B. Phong walks fast, so it was really hard to keep up with him.
- C. Phong walks fast, and it's really hard to keep up with him.
- D. Phong walks fast, so it was really hard for keeping up with him.

3. These/ baskets/ make/ thin/ bamboo/ strips.

- A. These baskets were made by thin bamboo strips.
- B. These baskets are made with thin bamboo strips.
- C. These baskets were made in thin bamboo strips.
- D. These baskets are made of thin bamboo strips.

4. In/ past/ most/ girls/ like/ knit/ sweaters/ themselves.

- A. In the past most girls liked knitting sweaters for themselves.
- B. In the past most girls like to knit sweaters for themselves.
- C. In the past most girls like knitting sweaters for themselves.
- D. In the past most girls liked to knitting sweaters for themselves.

5. He / say / he / be/ artisan / workshop / since 2010.

- A. He said he was an artisan of the workshop since 2010.
- B. He said he had been an artisan of the workshop since 2010.
- C. He said he has been an artisan at the workshop since 2010.
- D. He said was an artisan at the workshop since 2010.

6. I/ not/ know/ what/ do/ make/ mother/ happy/.

- A. I not know what do to make mother happy
- B. I don't know what to do to make my mother happy.
- C. I don't know what doing to make my mother happy.
- D. I don't know what to doing make my mother happy.

7. Although / he /tired / he / have to / finish / homework.

- A. Although he was tired, he has to finish his homework.
- B. Although he is tired, he has to finish his homework.
- C. Although he is tired, he have to finish the homework.
- D. Although he tired, he has to finish the homework.

8. It/ be / necessary / have a day / celebrate / our parents

- A. It is necessary to have a day to celebrate for our parents.
- B. It is necessary to have a day for celebrate for our parents.
- C. It is necessary to have a day to celebrate to our parents.
- D. It is necessity to have a day to celebrate for our parents.

9. It/ be said/ Ha Long Bay/ one/ the most interesting/ tourist attractions/ Vietnam.

- A. It said that Ha Long Bay is one of the most interesting tourist attractions in Vietnam.
- B. It is say that Ha Long Bay is one of the most interesting tourist attractions in Vietnam.
- C. It is said that Ha Long Bay to be one of the most interesting tourist attractions in Vietnam.
- D. It is said that Ha Long Bay is one of the most interesting tourist attractions in Vietnam.

10. Her mother/ suggest/ Mary/ go/ see the dentist.

- A. Her mother suggests that Mary goes to see the dentist.
- B. Her mother suggested that Mary went to see the dentist.
- C. Her mother suggested Mary going to see the dentist.
- D. Her mother suggested that Mary should go to see the dentist.

MÔN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

- *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*
- *Dân số và sự gia tăng dân số.*
- *Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.*
- *Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống.*
- *Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.*
- *Tìm hiểu khái quát về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.*
- *Tìm hiểu về sự phát triển và phân bố nông nghiệp.*
- *Tìm hiểu về sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản.*
- *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.*
- *Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.*
- *Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.*
- *Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.*
- *Thương mại du lịch*
- *Các vùng kinh tế: vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; ĐB sông Hồng.*

II. Bài tập vận dụng

Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm:

- A. 11 tỉnh B. 15 tỉnh C. 13 tỉnh D. 14 tỉnh

Câu 2: Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

- A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.
- B. chịu tác động rất lớn của biển.
- C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.

D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

Câu 3: Tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có các đặc điểm: Vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp vịnh Bắc Bộ, vừa giáp vùng Đồng bằng sông Hồng ?

A. Bắc Kạn. B. Bắc Giang C. Quảng Ninh D. Lạng Sơn

Câu 4: Về mùa đông khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:

A. Gió mùa, địa hình. B. Núi cao, nhiều sông.
C. Thảm thực vật, gió mùa. D. Vị trí ven biển và đất

Câu 5: Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp của đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở

A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Hà Nội, Bắc Ninh.
C. Hà Nội, Hải Dương. D. Hà Nội, Nam Định

Câu 6: Ngành công nghiệp nào sau đây không phải là ngành trọng điểm ở đồng bằng sông Hồng?

A. Sản xuất hàng tiêu dùng. B. Sản xuất vật liệu xây dựng.
C. Chế biến lương thực, thực phẩm. D. Khai thác khoáng sản

Câu 7: Năng suất lúa đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do có

A. diện tích lúa lớn nhất. B. trình độ thâm canh cao.
C. sản lượng lúa lớn nhất. D. hệ thống thủy lợi tốt.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây không phải của ngành công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng?

A. Hình thành sớm nhất Việt Nam.
B. Có tốc độ tăng trưởng nhanh.
C. Giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.
D. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành trọng điểm.

Câu 9: Sản lượng lương thực của đồng bằng sông Hồng tăng chậm nguyên nhân chủ yếu do

A. diện tích đất canh tác giảm. B. năng suất giảm.
C. dân số đông. D. sâu bệnh phá hoại.

Câu 10: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đồng bằng sông Hồng theo hướng giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ là do

A. Tác động của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.
B. Tác động của quá trình đô thị hóa.
C. Vùng thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
D. Cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và đồng bộ.

Câu 1: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam, hãy kể tên các tuyến đường giao thông quan trọng của nước ta?

Câu 2: Kể tên các loại hình dịch vụ mà em biết? Hãy cho biết vai trò của ngành dịch vụ đối với sự phát triển KT – XH của đất nước?

Câu 3: So sánh sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc và tiểu vùng Tây Bắc ?

Câu 4: Trình bày điều kiện tự nhiên của vùng ĐB sông Hồng thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp?

GỢI Ý

Câu 1: Các tuyến đường giao thông quan trọng của nước ta:

- Quốc lộ 1A từ Lạng Sơn đến Cà Mau
- Quốc lộ 14 (Đường Hồ Chí Minh)
- Quốc lộ 15: song song với tuyến đường sắt Bắc - Nam

Câu 2: Kể tên các loại hình dịch vụ mà em biết? Hãy cho biết vai trò của ngành dịch vụ đối với sự phát triển KT – XH của đất nước?

- Dịch vụ tiêu dùng: sửa chữa, khách sạn, nhà hàng....
- Dịch vụ sản xuất: tài chính, tín dụng, kinh doanh...
- Dịch vụ công cộng: giáo dục, y tế, văn hóa...
- Vai trò của dịch vụ:
 - + Cung cấp nguyên liệu, vật tư cho sản xuất và các ngành kinh tế .
 - + Tiêu thụ sản phẩm, tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất trong nước và ngoài nước.
 - + Tạo ra nhiều việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, tạo nguồn thu nhập lớn.

Câu 3:

Tiểu vùng	Điều kiện tự nhiên	Thế mạnh kinh tế
Đông Bắc	+ Địa hình thấp: núi trung bình và núi thấp. + Các dãy núi hình vòng cung (5 cánh cung). + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. + Khoáng sản phong phú đa dạng: sắt, than đá, thiếc, bô xít, apatit... => đa dạng nhất cả nước	- Khai thác khoáng sản, phát triển nhiệt điện. - Trồng rừng, cây công nghiệp, dược liệu, rau quả ôn đới và cận nhiệt. - Du lịch sinh thái và du lịch biển. - Kinh tế biển, đảo: nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch biển đảo (Vịnh Hạ Long)
Tây Bắc	+ Địa hình cao: núi cao, địa hình hiểm trở. + Khí hậu nhiệt đới ẩm nhưng có mùa đông ít lạnh hơn. + Khoáng sản: sắt, than, đồng, đất hiếm...	- Phát triển thủy điện: Hòa Bình, Sơn La. - Trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn trên các cao nguyên (Sơn La, Mộc Châu). - Du lịch đang phát triển: Sapa.

Câu 4:

- Địa hình tương đối bằng phẳng với hệ thống sông ngòi dày đặc → thuận lợi tưới tiêu

- Hệ thống sông ngòi tương đối phát triển → Trồng lúa và cây hoa màu
- Đặc trưng khí hậu của vùng là mùa đông từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, mùa này cũng là mùa khô. Mùa xuân có tiết mưa phùn. Điều kiện về khí hậu của vùng tạo thuận lợi cho việc tăng vụ trong năm vụ đông với các cây ưa lạnh, vụ xuân, vụ hè thu và vụ mùa.
- Đất phù sa thích hợp cho thâm canh lúa nước, trồng màu và các cây công nghiệp ngắn ngày.
- Tài nguyên sinh vật trong vùng khá phong phú → nguồn gen giống tốt

MÔN SINH

PHẦN I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

Các đơn vị kiến thức đã học từ *Bài 1: Mendel và di truyền học* đến hết *Bài 24: Đột biến số lượng NST (tiếp theo)* (trừ các phần đã giảm tải)

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

1. Câu hỏi tự luận

Câu 1. Nêu đặc điểm khác nhau cơ bản trong cấu trúc của AND và ARN.

Câu 2. Nêu khái niệm, nguyên nhân vai trò các loại đột biến gen, các loại đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, đột biến số lượng nhiễm sắc thể (thể đa bội, dị bội).

Câu 3. Nêu mối quan hệ giữa kiểu gen, ARN, ADN, kiểu hình bằng sơ đồ.

Câu 4: Một nu có chiều dài 0,408 μm và có hiệu số giữa nu loại G với loại nu khác là 10% số nu của gen.

- Tìm khối lượng của gen. Biết khối lượng trung bình của một nu là 300 đvC.
- Tỷ lệ % và số lượng từng loại nu của gen.
- Tính số liên kết hidro của gen.

Câu 5: Gen B có 3000 nucleotit. Gen B đột biến thành gen b. Khi 2 gen này cùng nhân đôi 1 lần đã lấy từ môi trường tế bào 5998 nucleotit.

- Xác định chiều dài của gen b.
- Xác định dạng đột biến từ gen B thành gen b.

2. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Phép lai nào sau đây được gọi là phép lai phân tích?

- A. AA x Aa. B. Aa x Aa. C. AA x AA. D. Aa x aa.

Câu 2: Một đoạn của phân tử ADN mang thông tin qui định cấu trúc một loại prôtêin được gọi là gì?

- A. Nhiễm sắc thể B. Crômatit C. Mạch của ADN D. Gen cấu trúc

Câu 3: Người bị bệnh ung thư máu là do mất một đoạn nhỏ ở đầu nhiễm sắc thể nào?

- A. Nhiễm sắc thể số 21 B. Nhiễm sắc thể số 12
C. Nhiễm sắc thể số 11 D. Nhiễm sắc thể số 23

Câu 4: Ở lúa, tính trạng thân cao (A) là trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp (a). Nếu đời F1 có tỉ lệ kiểu hình 50% thân cao : 50% thân thấp thì 2 cơ thể đem lai ở P có kiểu gen như thế nào?

- A. P: AA x aa B. P: Aa x Aa
C. P: AA x aa hoặc P: Aa x aa D. P: Aa x aa

Câu 5: Kiểu gen nào dưới đây được xem là thuần chủng về cả hai cặp tính trạng?

- A. AaBb B. AaBB C. AABB D. AABb

Câu 6: Quá trình tự nhân đôi của ADN diễn ra theo những nguyên tắc nào

- A. Nguyên tắc bổ sung, nguyên tắc bán bảo toàn.
- B. Nguyên tắc bổ sung, nguyên tắc khuôn mẫu.
- C. Nguyên tắc bổ sung, nguyên tắc khuôn mẫu.
- D. Nguyên tắc bán bảo toàn, nguyên tắc bán bảo toàn, nguyên tắc khuôn mẫu.

Câu 7: Trường hợp gen cấu trúc bị đột biến thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X thì số liên kết hidrô trong gen sẽ

Chú ý: Cặp A-T có 2 liên kết hidrô ; cặp G-X có 3 liên kết hidrô.

Nếu thay thế bằng 1 cặp G- X bằng 1 cặp A-T thì sẽ giảm 1 liên kết hidrô

- A. giảm 1.
- B. tăng 2.
- C. tăng 1.
- D. giảm 2.

Câu 8: Ruồi giấm có $2n = 8$ NST. Có 4 hợp tử của ruồi giấm đều nguyên phân 5 lần liên tiếp. Số NST có trong các tế bào con được tạo ra là bao nhiêu?

- A. 1026
- B. 1024
- C. 1022
- D. 1028

Ta có: $a \cdot 2^k \cdot 2n = 4 \cdot 2^5 \cdot 8 = 1024$ (a là số hợp tử, k là số lần nguyên phân)

VÍ DỤ: Có 2 hợp tử của ruồi giấm đều nguyên phân 4 lần liên tiếp

Ta có: $a \cdot 2^k \cdot 2n = 2 \cdot 2^4 \cdot 8 = 256$

Câu 9: Hiện tượng dị bội thể là sự tăng hoặc giảm số lượng NST xảy ra ở:

- A. toàn bộ các cặp NST trong tế bào.
- B. một hay một số cặp NST nào đó trong tế bào.
- C. NST giới tính.
- D. NST thường.

Câu 10: Trong giảm phân, NST nhân đôi

- A. 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I.
- B. 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.
- C. ở kỳ trung gian của cả 2 lần phân bào.
- D. 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I và 2 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.

Câu 11: Theo NTBS thì về mặt số lượng đơn phân trường hợp nào sau đây là đúng?

- A. $A + T = G + X$.
- B. $A = G; T = X$.
- C. $A + T + G = A + X + T$.
- D. $A + X + T = G + X + T$.

Câu 12: Một mạch của phân tử ADN có trình tự là : - A - T - G - X - T - A - G - .

Trình tự các nuclêôtit trên mạch bổ sung với đoạn mạch trên là

- A. - T - A - T - G - A - T - G.
- B. - T - A - X - X - A - T - X.
- C. - T - A - X - G - A - T - X.
- D. - T - A - T - G - A - T - X.

Câu 13: Đột biến gen là gì?

- A. Đột biến gen là những biến trong cấu trúc của gen liên quan đến một hoặc một số cặp nuclêôtit.
- B. Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của ARN.
- C. Đột biến gen là những biến đổi về kiểu hình do kiểu gen gây ra.
- D. Đột biến gen là những biến đổi về kiểu gen do kiểu hình gây ra.

Câu 14 :Dạng đột biến gen làm thay đổi số lượng nuclêôtit của gen là:

- A. Mất một cặp nuclêôtit và thay thế một cặp nuclêôtit.
- B. Mất một cặp nuclêôtit và thêm một cặp nuclêôtit.
- C. Thêm một cặp nuclêôtit và thay thế một cặp nuclêôtit.
- D. Thay thế một cặp nuclêôtit này bằng cặp nuclêôtit khác.

Câu 15: Vai trò của đột biến gen đối với sinh vật là gì ?

- A. Có lợi cho sinh vật.
- B. Không có lợi và cũng không có hại cho sinh vật.

- C. Giúp sinh vật có ưu thế hơn so với bố mẹ.
D. Đa số có hại cho sinh vật, số ít có lợi cho sinh vật.

Câu 16: Dạng đột biến gen có thể chỉ làm thay đổi một axit amin trong phân tử prôtêin mà gen đó quy định là

- A. Mất một cặp nuclêôtit
B. Thêm một cặp nuclêôtit
C. Thay thế một cặp nuclêôtit này bằng cặp nuclêôtit khác.
D. Mất một cặp nuclêôtit và thêm một cặp nuclêôtit

Câu 17: Nguyên nhân chủ yếu gây ra đột biến cấu trúc NST là

- A. Sự thay đổi của môi trường sống
B. Sự phân li độc lập của các NST kép tương đồng trong giảm phân
C. Rối loạn quá trình tự sao của ADN.
D. Các tác nhân vật lí, hoá học phức tạp ở ngoại cảnh

Câu 18: Dạng đột biến nào làm tăng số lượng gen trên một NST?

- A. Đảo đoạn. B. Lặp đoạn. C. Mất đoạn. D. Mất đoạn và đảo đoạn.

Câu 19: Ở cải bắp $2n = 18$, số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng của cải bắp tam bội là

- A. 21. B. 27. C. 36. D. 54.

Câu 20: Dạng đột biến NST nào làm số lượng ADN trong tế bào tăng nhiều nhất?

- A. Đa bội thể. B. Dạng $2n + 2$.
C. Lặp đoạn NST. D. Đảo đoạn NST.

MÔN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “Nối vòng tay lớn”.
2. Hát bài “Lý kéo chài”.
3. Tập đọc nhạc số 3

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN THỂ DỤC

Khối 9: Nhảy xa

- Loại đạt: thực hiện được cơ bản đúng các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu “ngồi” (có thể thi lý thuyết).
- Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu “ngồi”.

IV. Lịch kiểm tra cuối học kỳ I (có thể thay đổi theo thực tế nhà trường)**(Tuần 15,16 từ 11/12/2023 đến hết 22/12/2023)**

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
15	ba	12/12/2023	3-Sáng	Tin 6,7,8
	Tư	13/12/2023	3-Sáng	Công nghệ 6,7,8,9
	Năm	14/12/2023	3-Sáng	GDCD 6,7,8,9.
	Sáu	15/12/2023	1 -Sáng	Địa 9
			5- Sáng	HĐTN-HN 6,7,8
	Bảy	16/12/2023	1- Sáng	Sử 9
16	Hai	18/12/2023	3-Sáng	Sinh 9
	Ba	19/12/2023	2-sáng	Lý 9
			2- Sáng	LS&ĐL6,7,8 (60 phút)
	Tư	20/12/2023	1-sáng	Hoá 9
			1+2- Sáng	KHTN 6,7,8
	Năm	21/12/2023	1+2 sáng	Văn 8,9(theo phòng)
			3+4-Sáng	Văn 6,7(theo phòng)
	Sáu	22/12/2023	1+2 sáng	Toán 8,9(Theo phòng)
			3 -Sáng	Anh 8,9(theo phòng)
			1+2- Chiều	Toán 6,7(Theo phòng)
			3 – Chiều	Anh 6,7(theo phòng)